

Số: /BCTH-CTK

Đồng Tháp, ngày tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình Kinh tế - Xã hội tháng 02 năm 2024

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI THÁNG 02-2024

1. Tài chính – tín dụng

Thu ngân sách trong tháng đầu năm 2024 tăng mạnh so với tháng cùng kỳ năm trước. Một số khoản thu có tăng trưởng rất cao do các chính sách về thuế của nhà nước trở lại bình thường. Chi ngân sách chỉ bằng một nửa so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân chủ yếu là do chi thường xuyên ở mức thấp.

Huy động vốn và dư nợ tín dụng đến cuối tháng 01/2024 so với cuối năm 2023 đều giảm nhẹ.

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tính đến 31/01/2024 ước đạt 1.131.432 triệu đồng; so với dự toán năm đạt 12,21% và bằng 129,82% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, Thu nội địa ước tính đạt 1.090.796 triệu đồng, đạt 12,03% dự toán năm, so với cùng kỳ bằng 126,64%; Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu ước tính 40.636 triệu đồng, đạt 20,32% dự toán, bằng 398,39% cùng kỳ. Một số khoản thu nội địa có tỷ lệ cao so với cùng kỳ năm trước là: Thu từ doanh nghiệp đầu tư nước ngoài tăng 98,96%, Thu xổ số kiến thiết tăng 88,27%, Thu từ doanh nghiệp nhà nước tăng 81,63%, Thu phí xăng dầu, thuế bảo vệ môi trường tăng 47,99%, Thu phí, lệ phí tăng 34,45%, Thu tiền sử dụng đất tăng 28,91%. Một số khoản thu đạt thấp so cùng kỳ: Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh đạt 90,38% .

Chi ngân sách địa phương tháng 01/2024 đạt 1.478.985 triệu đồng; đạt 8,26% so với dự toán năm, bằng 47,58% so với cùng kỳ năm trước. Chi ngân sách địa phương đã đáp ứng được các nhu cầu chi tiêu thiết yếu của tỉnh như chi cho đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi cho sự nghiệp văn xã, ... Trong chi ngân sách tháng 01/2024, chi cân đối ngân sách 1.432.510 triệu đồng, đạt 9,0% dự toán năm, bằng 46,08% so với cùng kỳ năm trước. Các khoản chi cân đối ngân sách chủ yếu gồm: Chi đầu tư phát triển 344.304 triệu đồng, đạt 6,99% dự toán năm và bằng 262,50% cùng kỳ năm trước; Chi thường xuyên đạt 815.363 triệu đồng, đạt 7,65% dự toán năm và bằng 57,00% cùng kỳ năm trước.

Tổng nguồn vốn huy động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn đến cuối tháng 01/2024 ước đạt 66.888 tỷ đồng, giảm 2,05% so với thời điểm 31/12/2023. Tổng dư nợ tín dụng đạt 105.055 tỷ đồng, giảm 1,66% so với thời điểm 31/12/2023; trong đó dư nợ ngắn hạn đạt 79.304 tỷ đồng, giảm 1,66% so với cuối năm 2023, dư nợ trung và dài hạn ước đạt 25.751 tỷ đồng, giảm 1,66% so với cuối năm 2023. Phần lớn dư nợ cho vay nằm ở các lĩnh vực: Nông nghiệp, nông thôn (69.081 tỷ đồng), Cho vay xuất khẩu (1.573 tỷ đồng), cho vay doanh nghiệp vừa và nhỏ (12.480 tỷ đồng). Tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ của các tổ chức tín dụng là 0,87%, tăng 0,09% so với cuối năm 2023.

* Ước thực hiện các chỉ tiêu tín dụng đến 29/02/2024:

- Huy động vốn đạt 67.691 tỷ đồng, so với tháng trước tăng 803 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 1,20%.

- Dư nợ đạt 106.631 tỷ đồng, so với tháng trước tăng 1.576 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 1,50%.

- Tỷ lệ nợ xấu/tổng dư nợ được kiểm soát dưới 2%.

2. Sản xuất Nông, lâm nghiệp và thủy sản

Sản xuất nông nghiệp của Tỉnh trong tháng 02/2024 chủ yếu tập trung vào công tác chăm sóc và thu hoạch cây trồng vụ Đông xuân 2023- 2024 và xuống giống vụ Hè thu 2024. Giá lúa hiện vẫn đang duy trì ở mức cao và tiêu thụ tương đối thuận lợi; giá cá tra nguyên liệu đang thấp hơn so với cùng kỳ năm trước, tiêu thụ sản phẩm cá tra chế biến đang có dấu hiệu cải thiện. Nhìn chung sản xuất nông nghiệp trong các tháng đầu năm khá thuận lợi.

2.1. Ngành Nông nghiệp

- Trồng trọt:

Vụ Đông Xuân năm 2023-2024: Đến ngày 17 tháng 02 năm 2024, toàn Tỉnh đã xuống giống được 189.071 ha lúa, giảm 0,63% so với cùng kỳ vụ Đông xuân 2022-2023, so với kế hoạch đạt 100,04% (kế hoạch xuống giống 189.000 ha). Nhìn chung các trà lúa đều phát triển tốt, hầu hết đang ở giai đoạn đẻ nhánh, trổ chín và thu hoạch. Đến nay đã thu hoạch được 50.081 ha, bằng 74,70% so với cùng kỳ; năng suất trên diện tích đã thu hoạch ước đạt bình quân 68,91 tạ/ha. Diện tích lúa thu hoạch tập trung chủ yếu ở các huyện Tháp Mười, Cao Lãnh, Thanh Bình. Diện tích lúa còn lại đang giai đoạn đẻ nhánh - trổ chín.

Hoa màu và cây công nghiệp ngắn ngày khác vụ Đông xuân 2023-2024 đã xuống giống với diện tích 12.268 ha, giảm 71 ha so với cùng kỳ năm trước (giảm 0,58%). Các loại hoa màu xuống giống gồm: Bắp 1.355 ha; Khoai lang 216 ha; Đậu các loại 47 ha; Rau dưa các loại 5.956 ha. Đến nay hoa màu và cây công

nghiệp ngắn ngày khác vụ Đông xuân 2023-2024 đã thu hoạch được 3.863 ha.

Vụ Hè thu năm 2024: Đến ngày 17/02, toàn Tỉnh xuống giống 29.921 ha lúa vụ Hè thu, đạt 16,04% so với kế hoạch xuống giống (kế hoạch 186.500 ha). Trên diện tích xuống giống lúa đang giai đoạn mạ.

Cây hàng năm khác đã xuống giống được trên 395 ha các cây trồng, gồm: bắp, bầu, bí, rau dưa các loại....

Về tình hình dịch bệnh trên cây lúa:

+ Rầy nâu: Diện tích nhiễm nhẹ 978 ha, trên lúa giai đoạn đẻ nhánh – trổ chín với mật số trên 1.000 - 2.000 con/m²;

+ Bệnh đạo ôn lá: Diện tích nhiễm nhẹ 605 ha, trên lúa giai đoạn đẻ nhánh - trổ chín với tỷ lệ bệnh 5 - 10%;

+ Sâu cuốn lá nhỏ: Diện tích nhiễm nhẹ 263 ha, trên lúa giai đoạn đẻ nhánh – trổ chín với mật số 25-50 con/m²;

+ Rầy phấn trắng: Diện tích nhiễm nhẹ 817 ha, trên lúa giai đoạn làm đòng - trổ chín, với mật số 1.500 - 3.000 con/m²;

+ Bọ xít dài: diện tích nhiễm nhẹ 150 ha, trên lúa giai đoạn mạ - đẻ nhánh với mật số 3 - 6 con/m²

+ Bệnh lem lép hạt: Diện tích nhiễm nhẹ 270 ha, trên lúa giai đoạn trổ chín với tỷ lệ bệnh từ 5 - 10%;

+ Bệnh cháy bìa lá: diện tích nhiễm nhẹ 838 ha, trên lúa giai đoạn đẻ nhánh – trổ chín với tỷ lệ bệnh 10 – 20%.

Tình hình sâu bệnh trên cây hoa màu, cây ăn trái, hoa kiểng:

+ Trên hoa màu: Sâu bệnh hại trên hoa màu xuất hiện gây hại phổ biến ở mức nhẹ. Riêng đối tượng sâu keo mùa thu hại bắp chưa phát hiện diện tích nhiễm mới.

+ Trên cây ăn trái: Cây có múi: Sâu đục thân, Nhện, bệnh loét, bệnh vàng lá thối rễ xuất hiện gây hại nhẹ. Xoài: bọ trĩ, bệnh thán thư xuất hiện gây hại nhẹ.

+ Trên hoa kiểng: bọ trĩ, nhện đỏ trên hoa hồng xuất hiện rải rác.

- Về chăn nuôi:

Hiện tại trên địa bàn Tỉnh phát sinh một số bệnh trên vật nuôi, diễn biến phức tạp và có nguy cơ bùng phát trên diện rộng, bao gồm: bệnh Cúm gia cầm, dịch tả heo Châu Phi, bệnh Đại. Trong tháng ghi nhận 01 ổ dịch tả heo Châu phi tại xã Thường Phước 2, huyện Hồng Ngự, số lượng heo đã tiêu hủy là 12 con

với tổng trọng lượng là 724 kg.

Ngành nông nghiệp đã chỉ đạo tăng cường công tác kiểm dịch động vật tại các cửa ngõ ra vào của tỉnh và các chốt kiểm dịch biên giới, giám sát chặt chẽ công tác giết mổ, buôn bán, vận chuyển gia súc, gia cầm và sản phẩm gia súc, gia cầm, hướng dẫn người nuôi làm vệ sinh chuồng trại; Kiểm soát chặt chẽ công tác giết mổ, buôn bán vận chuyển gia súc, gia cầm; thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh theo khuyến cáo của ngành chuyên môn.

- Công tác tiêm phòng trên gia cầm: Tiêm phòng cúm đợt I/2024 (từ ngày 05/01/2023 đến ngày 06/02/2024) tiêm phòng được 60.822 con gà mũi 1 đạt tỷ lệ 11,53% tổng đàn, 1.125.431 con vịt mũi 1 đạt 25,09% tổng đàn; 12.118 con gà mũi 2 đạt 8,82% tổng đàn, 31.061 con vịt mũi 2 đạt 6,77% tổng đàn.

- Công tác vệ sinh tiêu độc khử trùng: Trong tháng, các huyện, thành phố không đề nghị cấp thuốc tiêu độc, sát trùng. Lũy kế từ đầu năm đến nay chưa cấp mới.

2.2. Ngành Lâm nghiệp

Ngoài việc chăm sóc và bảo vệ số diện tích rừng hiện có, hiện nay ngành chức năng tiếp tục triển khai và khuyến cáo bà con nông dân trên tuyến và cụm dân cư tiếp tục trồng các loại cây phân tán chống, chắn lũ theo dự án trồng cây phòng hộ. Để chủ động trong công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, ngăn chặn kịp thời các hành vi xâm hại tài nguyên rừng, gây cháy rừng trong mùa hanh khô, nhiệt độ nắng nóng lên cao như hiện nay. Ngay từ đầu năm 2024 Ban Chỉ đạo an toàn vệ sinh lao động, phòng, chống cháy nổ và bảo vệ, phòng, chống cháy rừng tỉnh Đồng Tháp yêu cầu các đơn vị, chủ rừng thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, xây dựng phương án Phòng cháy chữa cháy rừng (PCCCR), tổ chức triển khai thực hiện công tác bảo vệ rừng, PCCCR theo quy định, các ngành chức năng triển khai phân công trực 24/24 tại Ban chỉ huy phòng cháy chữa cháy rừng cơ sở, tổ (đội), trạm chốt, đài quan sát; kể cả các ngày nghỉ tết nguyên đán năm Giáp Thìn 2024, để phát hiện cháy sớm; triển khai lực lượng, thiết bị chữa cháy dập tắt kịp thời theo phương châm bốn tại chỗ không để cháy lan trên diện rộng; nâng cao tinh thần cảnh giác trong công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng; chủ động phối hợp với lực lượng Kiểm lâm - Công an – Quân sự tại địa phương tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát, tập trung vào các vùng trọng điểm có nguy cơ cháy cao để ngăn chặn kịp thời các hành vi xâm nhập vào rừng trái phép bẫy bắt động vật rừng, sử dụng lửa bắt ong gây cháy rừng, phá rừng, lấn chiếm đất rừng, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm. Tăng cường công tác vận động, tuyên truyền trong cộng đồng dân cư ven rừng để nâng cao ý thức bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, nhằm hạn chế thấp nhất tình trạng xâm nhập trái phép vào rừng, nhất là trong các tháng cao điểm

mùa khô năm 2024. Nhờ sự nỗ lực thực hiện tốt công tác PCCCR, nên trong tháng không xảy ra vụ cháy Rừng nào.

2.3. Ngành Thủy sản

Ước tính tổng sản lượng thủy sản thu hoạch trong tháng 02/2024 của Tỉnh đạt 45.673 tấn, tăng 3,34% hay tăng 1.475 tấn so với cùng kỳ năm trước; trong đó, cá tra đạt 44.715 tấn, tăng 3,56% so với cùng kỳ năm 2023. Diện tích nuôi cá tra của Tỉnh chủ yếu tập trung nhiều ở các địa phương như: huyện Tam Nông, huyện Cao Lãnh, huyện Thanh Bình, huyện Châu Thành. Sản lượng thu hoạch trong kỳ báo cáo tăng so với cùng kỳ năm 2023 là do một số diện tích đã nuôi trong năm 2023 trong những tháng đầu năm 2024 mới cho thu hoạch.

Hiện nay giá một số loài thủy sản thương phẩm có xu hướng tăng nhẹ trở lại: **Cá tra thịt trắng giao động từ 27.000 – 27.500 đồng/kg....** Bên cạnh đó sản lượng ương nuôi giống thủy sản cũng tăng nhẹ do giá các giống tăng trở lại so với thời gian trước. Song song với việc nuôi trồng, trong tháng sản lượng thủy sản khai thác 958 tấn, đạt 93,83%, giảm 6,17% hay giảm 63 tấn so với cùng kỳ; nguyên nhân vào những tháng đầu năm là mùa khô mực thủy triều xuống thấp nên việc đánh bắt gặp nhiều khó khăn.

Thị trường xuất khẩu cá tra gặp nhiều khó khăn trong các tháng đầu năm 2023 nhưng đã có dấu hiệu khởi sắc từ quý IV-2023 và được dự báo sẽ có nhiều thuận lợi trong thời gian tới, vì vậy giá cá tra nguyên liệu sẽ có những diễn biến theo nhu cầu tiêu thụ của thị trường, tuy vậy người dân cũng cần thận trọng trong việc thả nuôi trong thời gian tới nhằm tránh các thiệt hại có thể xảy ra khi thị trường có những biến động.

3. Sản xuất Công nghiệp và Phát triển doanh nghiệp

3.1. Sản xuất công nghiệp

Hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp trong các tháng đầu năm 2024 có nhiều dấu hiệu khởi sắc. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 02/2024 giảm so với tháng trước (do nghỉ Tết Nguyên đán) nhưng tăng so cùng kỳ năm trước; chỉ số IIP cộng dồn hai tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm trước tăng 5,79%.

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 02/2024 giảm 6,72% so với tháng trước nhưng tăng 1,35% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành khai khoáng giảm 25,62% so với tháng trước và giảm 89,13% so với cùng kỳ; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 6,59% so với tháng trước nhưng tăng 1,28% so với cùng kỳ; ngành sản xuất và phân phối điện giảm 12,30% so với tháng trước nhưng tăng 6,81% so với cùng kỳ; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý xử lý rác thải tăng 1,08% so với tháng trước và tăng

6,86% so với cùng kỳ năm 2023.

Theo đó, *các sản phẩm chủ lực* cũng có sản lượng sản xuất giảm so với tháng trước: Cát khai thác giảm 25,62%; Cá phi lê đông lạnh giảm 6,88%; Gạo xay xát, lau bóng giảm 9,34%; Thức ăn thủy sản giảm 1,95%; Áo quần các loại giảm 5,98%; Giày dép và các bộ phận của giày dép bằng da giảm 0,16%; Thuốc chứa pênixilin hoặc kháng sinh khác dạng viên giảm 11,91%; Dược phẩm chứa hocmôn nhưng không có kháng sinh dạng viên giảm 29,14%; Bia giảm 24,25%.

Tính chung 2 tháng đầu năm 2024, IIP tăng 5,79% so với cùng kỳ năm trước. Chủ yếu do ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 5,71%. Ngành sản xuất và phân phối điện tăng 13,33%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý xử lý rác thải tăng 1,91%. Riêng ngành khai khoáng giảm 78,21% so với cùng kỳ.

Số lao động đang làm việc trong các ngành công nghiệp tháng 02/2024 so với tháng trước tăng 0,54%, so với tháng cùng kỳ năm trước tăng 7,24%. Trong đó ngành Khai khoáng giảm 0,24% so với tháng trước và giảm 7,05% so với cùng kỳ; Chế biến chế tạo tăng 0,58% so với tháng trước và tăng 7,64% so với cùng kỳ; Sản xuất phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước tăng 3,12% so với cùng kỳ, Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý nước thải, rác thải giảm 0,12% so với tháng trước nhưng tăng 3,74% so với cùng kỳ năm 2023.

So với tháng trước, *Chỉ số tiêu thụ (CSTT) ngành công nghiệp chế biến chế tạo* giảm 6,95% và *chỉ số tồn kho (CSTK)* tăng 0,99%. So với cùng kỳ năm trước, CSTT tăng 0,61% và CSTK tăng 34,91%. CSTT và CSTK các ngành công nghiệp cấp II tháng 02/2024 so với cùng kỳ như sau:

- Sản xuất chế biến thực phẩm: CSTT tăng 0,66%, CSTK tăng 38,40%;
- Sản xuất sản phẩm thuốc lá: CSTT giảm 20,10%, CSTK giảm 68,53%;
- Sản xuất trang phục: CSTT giảm 12,81%, CSTK tăng 1,16%;
- Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan: CSTT tăng 97,88%, CSTK tăng 82,35%;
- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu: CSTT giảm 14,93%, CSTK tăng 7,50%;

3.2. Phát triển Doanh nghiệp

Trong tháng 01/2024, tỉnh Đồng Tháp có 74 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 405.958 triệu đồng. Trong đó: 01 Doanh nghiệp tư nhân với tổng vốn đăng ký 100 triệu đồng, 67 công ty TNHH với tổng vốn đăng ký 329.598 triệu đồng, 06 CTCP với tổng vốn đăng ký 76.260 triệu đồng.

Phân theo khu vực kinh tế: trong số 74 doanh nghiệp thành lập mới, có 02 doanh nghiệp thuộc ngành Nông nghiệp với số vốn 6.100 triệu đồng, 24 doanh nghiệp thuộc ngành Công nghiệp – xây dựng với tổng số vốn 201.490 triệu đồng, 48 doanh nghiệp thuộc ngành Dịch vụ với tổng số vốn 198.368 triệu đồng.

Số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động trong tháng đầu năm 2024 là 198 doanh nghiệp, tăng 32 doanh nghiệp; số doanh nghiệp quay lại hoạt động là 52 doanh nghiệp, giảm 2 doanh nghiệp; và số doanh nghiệp giải thể là 11 doanh nghiệp, tăng 1 doanh nghiệp so với năm 2023.

4. Thực hiện vốn đầu tư phát triển

Thực hiện vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Tỉnh trong các tháng đầu năm 2024 tương đương với cùng kỳ năm trước. Trong đó, vốn thực hiện từ nguồn vốn địa phương quản lý tăng mạnh (tăng 15%) do các đơn vị thi công đẩy nhanh việc thực hiện các công trình đã được thi công trong năm 2023, ngoài ra tỉnh đã có nhiều văn bản chỉ đạo đôn đốc, hướng dẫn tháo gỡ các khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng và công tác thi công tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong giải ngân vốn đầu tư ngay từ đầu năm.

4.1. Vốn đầu tư phát triển do trung ương và địa phương quản lý

Trong tháng 02/2024, vốn đầu tư phát triển trên địa bàn tỉnh ước đạt 287.120 triệu đồng, so với tháng trước giảm 43,36%, so với cùng kỳ năm trước giảm 29,74%, bao gồm: vốn do Trung ương quản lý 24.253 triệu đồng, giảm 39,44% so với tháng trước và giảm 45,56% so với cùng kỳ; vốn do Địa phương quản lý 262.867 triệu đồng, giảm 43,70% so với tháng trước và giảm 27,80% so với cùng kỳ năm trước. Phân theo nguồn vốn ước thực hiện, nguồn vốn ngân sách nhà nước ước đạt 265.922 triệu đồng, giảm 43,60% so với tháng trước và giảm 21,88% so với cùng kỳ, vốn vay ước đạt 11.130 triệu đồng, giảm 40,03% so với tháng trước và giảm 74,25% so với cùng kỳ.

Tính chung hai tháng đầu năm 2024, vốn đầu tư phát triển trên địa bàn tỉnh do trung ương và địa phương quản lý ước đạt 794.046 triệu đồng, giảm 1,61% so với cùng kỳ. Chia ra: vốn do Trung ương quản lý ước đạt 64.300 triệu đồng, giảm 25,98% so với cùng kỳ; vốn do Địa phương quản lý ước đạt 729.746 triệu đồng, tăng 1,33% so với cùng kỳ năm trước.

Tình hình thực hiện vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước ước tính 2 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm trước giảm nhẹ, có một phần nguyên nhân là do nhu cầu khối lượng cát san lấp rất lớn nhưng nguồn cung chưa đáp ứng được cho các công trình.

4.2. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý trong tháng 02/2024 ước đạt 262.867 triệu đồng, giảm 43,70% so với tháng trước và giảm 27,80% so với cùng kỳ. Chia ra, Vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh ước đạt 176.809 triệu đồng, giảm 41,71% so với tháng trước và giảm 32,23% so với cùng kỳ; Vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện ước đạt 86.058 triệu đồng, giảm 47,39% so với tháng trước và giảm 16,61% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung hai tháng đầu năm 2024, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý ước đạt 729.746 triệu đồng, tăng 1,33% so với cùng kỳ. Chia ra, Vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh ước đạt 480.110 triệu đồng, giảm 7,06% so với cùng kỳ; Vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện ước đạt 249.636 triệu đồng, tăng 22,60% so với cùng kỳ năm 2023.

4.3. Tình hình thực hiện một số công trình trọng điểm

Tình hình thực hiện một số dự án giao thông trọng điểm trên địa bàn tỉnh đến tháng 02/2024 như sau:

- Dự án Cao tốc Cao Lãnh - An Hữu giai đoạn 1: thành phần 1 (16 km thuộc tỉnh Đồng Tháp) với tổng mức vốn đầu tư 3.640.000 triệu đồng. Giá trị thi công tính đến tháng 02/2024 ước đạt 965.045 triệu đồng, đạt 26,51% tổng mức vốn đầu tư.

- Dự án xây dựng tuyến ĐT 857 (đoạn QL30 – ĐT 845) với tổng mức đầu tư 2.179.790 triệu đồng, ước thực hiện được 806.976 triệu đồng, đạt 37,02% tổng mức vốn đầu tư.

- Dự án nâng cấp quốc lộ 30 đoạn Cao Lãnh – Hồng Ngự giai đoạn 3: tổng giá trị thực hiện từ khi khởi công đến cuối tháng 02/2024 ước đạt 587.862/912.326 triệu đồng, đạt 64,44% tổng mức vốn đầu tư.

- Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 841 và xây dựng mới cầu Sở Thượng 2 tổng giá trị thực hiện từ khi khởi công đến cuối tháng 02/2024 ước đạt 308.347/328.157 triệu đồng, đạt 93,96% tổng mức vốn đầu tư.

- Dự án đường ĐT 845 Trường Xuân - Tân Phước thực hiện từ khi khởi công đến tháng 02/2024 được 446.779 triệu đồng, đạt 45,05% tổng mức vốn đầu tư.

5. Thương mại - Dịch vụ

Hoạt động thương mại diễn ra sôi động trong tháng 02/2024 do có kỳ nghỉ Tết Nguyên đán. Nhu cầu mua sắm Tết tăng lên nhưng không cao; các chợ, siêu thị, trung tâm mua sắm trên địa bàn Tỉnh vẫn đáp ứng được nhu cầu hàng hóa, nhất là các mặt hàng thiết yếu nên giá cả vẫn ổn định. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tăng không cao.

5.1. Bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tháng 02/2024 ước tính 11.216 tỷ đồng, tăng 3,10% so với tháng trước và tăng 6,19% so với cùng kỳ năm 2023. Nguyên nhân tổng mức bán lẻ hàng hóa dịch vụ tăng là nhu cầu mua sắm các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu tăng lên vào dịp tết.

Doanh thu thương mại tháng 02/2024 ước tính đạt 8.794 tỷ đồng, tăng 2,56% so với tháng trước và tăng 5,98% so với cùng kỳ năm 2023. Theo qui luật hàng năm các nhóm hàng tiêu dùng thiết yếu phục vụ vào ngày Tết đều tăng so với cùng kỳ năm trước, các nhóm hàng tăng cụ thể như: Nhóm hàng lương thực thực phẩm tăng 6,47%; Nhóm hàng may mặc tăng 10,89%; Nhóm hàng đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 4,84%.

Hoạt động khách sạn nhà hàng tháng 02/2024, tăng 7,34% so với tháng trước và tăng 11,0% so với cùng kỳ năm 2023. Các cơ sở kinh doanh nhà hàng, quán ăn các cơ sở dịch vụ lưu trú, ăn uống tiếp tục tăng, doanh thu ước đạt 1.676 tỷ đồng.

Hoạt động du lịch lữ hành tháng 02/2024 ước tính doanh thu đạt 5.126 triệu đồng, tăng 1,68% so với tháng trước và tăng 2,08% so với cùng kỳ năm 2023.

Doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác tháng 02/2024 ước đạt 741 tỷ đồng tăng 0,38 % so với tháng trước và bằng 98,90% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Tính chung 2 tháng đầu năm 2024 tổng mức bán lẻ hàng và dịch vụ ước đạt 22.095 tỷ đồng tăng 6,53% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó ngành thương mại ước tính đạt 17.368 tỷ đồng tăng 6,21%; Khách sạn, nhà hàng ước tính đạt 3.237 tỷ đồng, tăng 8,69%; Du lịch, lữ hành ước tính đạt 10,17 tỷ đồng tăng 2,08% và dịch vụ ước đạt 1.480 tỷ đồng tăng 5,76% so với cùng kỳ năm 2023.

Nhìn chung, Tết Giáp Thìn năm 2024 thị trường hàng hóa phong phú, giá cả ổn định. Tuy nhiên sức mua tại các chợ truyền thống, các siêu thị giảm so với cùng kỳ năm 2023, các mặt hàng hoa kiểng, dưa hấu Tết sức mua cũng như lượng tiêu thụ không cao. Sau những ngày nghỉ Tết Nguyên đán 2024, nhiều người lao động đã quay lại làm việc, nhu cầu mua sắm của người dân trở lại bình thường. Các cửa hàng, siêu thị, chợ, trung tâm thương mại với lượng hàng hóa khá dồi dào, giá cả ổn định.

5.2. Vận tải hành khách và hàng hóa

Nhu cầu đi lại của người dân sau dịp Tết Nguyên đán tăng lên nhưng không ảnh hưởng nhiều đến tình hình giao thông do thời gian nghỉ tết dài và người dân sử dụng nhiều phương tiện cá nhân. Trên địa bàn Tỉnh không xảy ra hiện tượng kẹt xe trên đường và tình trạng quá tải tại các bến xe.

Ước tính khối lượng hành khách vận chuyển tháng 02/2024 đạt 3.649 ngàn lượt người, tăng 7,10% so với tháng trước và tăng 8,35% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 02 tháng đầu năm 2024 số hành khách vận chuyển đạt 7.056 ngàn lượt người, tăng 8,34% so với cùng kỳ năm 2023.

Khối lượng hành khách luân chuyển tháng 02/2024 ước tính đạt 134.200 ngàn/lượt hành khách/km, tăng 18,86% so với tháng trước và tăng 10,86% so với cùng kỳ năm trước. Khối lượng luân chuyển hành khách 02 tháng đầu năm 2024 ước đạt 247.107 ngàn/lượt hành khách/km, tăng 9,88% so với cùng kỳ năm 2023.

Ước tính khối lượng hàng hóa vận chuyển trong tháng 02/2024 đạt 573 ngàn tấn, tăng 3,37% so với tháng trước và tăng 9,44% so với cùng kỳ năm 2023. Ước tính 02 tháng đầu năm 2024 khối lượng hàng hóa vận chuyển đạt 1.128 ngàn tấn, tăng 8,46% so với cùng kỳ năm 2023.

Khối lượng luân chuyển hàng hóa tháng 02/2024 ước tính đạt 137.251 ngàn tấn/km, tăng 3,23% so với tháng trước và tăng 8,37% so với cùng kỳ năm trước. Ước tính khối lượng luân chuyển hàng hóa 02 tháng đầu năm 2024 đạt 270.207 ngàn tấn/km, tăng 8,54% so với cùng kỳ năm 2023.

Tổng doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 02/2024 ước tính đạt 294.674 triệu đồng tăng 8,44% so với tháng trước và tăng 10,51% so với cùng kỳ năm trước; Trong đó, doanh thu vận tải hành khách ước đạt 127.260 triệu đồng, tăng 14,49% so với tháng trước và tăng 11,50% so với cùng kỳ năm 2023; Doanh thu vận tải hàng hóa ước đạt 126.050 triệu đồng tăng 3,59% so với tháng trước và tăng 9,38% so với cùng kỳ; Doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 41.365 triệu đồng tăng 6,34% so với tháng trước và tăng 10,97% so với cùng kỳ năm 2023.

Tính chung 02 tháng đầu năm tổng doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 566.404 triệu đồng, tăng 10,36% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, doanh thu vận tải hành khách ước đạt 238.411 triệu đồng, tăng 10,14% so với cùng kỳ năm trước; Doanh thu vận tải hàng hóa ước đạt 247.732 triệu đồng, tăng 9,13% so với cùng kỳ năm 2023; Doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 80.262 triệu đồng, tăng 15,03% so với cùng kỳ năm 2023.

Nhìn chung, ngành vận tải của Tỉnh trong dịp nghỉ Tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024, chất lượng và dịch vụ vận tải được nâng cao, bảo đảm an toàn thông suốt đã đáp ứng được nhu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của người dân trong và sau dịp Tết.

5.3. Khách lưu trú

Trong tháng 02/2024, các hoạt động mừng Đảng – mừng Xuân được thực

hiện chu đáo; các khu, điểm du lịch đáp ứng nhu cầu tham quan, du lịch của du khách trong dịp Tết Giáp Thìn 2024. Có hàng ngàn lượt khách tham quan đường hoa xuân tại thành phố Cao Lãnh, trong đó, có 3.600 lượt khách ghé khuôn viên trụ sở UBND tỉnh, tăng 20% so với cùng kỳ. Doanh thu tại các khu, điểm du lịch đạt hơn 25 tỷ đồng, tăng 58% so với cùng kỳ năm 2023.

Lượt khách lưu trú trong tháng 02/2024 ước đạt trên 146 ngàn lượt khách, tăng 5,46% so với tháng trước và tăng 2,75% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 02 tháng đầu năm 2024 đạt 285 ngàn lượt khách, tăng 2,75% so với cùng kỳ năm trước. Trong số 146 ngàn lượt khách lưu trú thì có 80 ngàn lượt khách ngủ qua đêm, chiếm 54,86% lưu trú.

Ngày khách phục vụ trong tháng 02/2024 ước đạt 66.110 ngày khách, tăng 4,62% so với tháng trước và tăng 5,74% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 02 tháng đầu năm ước đạt 128.289 ngày khách, tăng 5,74% so với cùng kỳ năm 2023.

Lượt khách du lịch theo tour trong tháng 02/2024 ước đạt 2.504 lượt khách, tăng 36,01% so với tháng trước và tăng 5,60% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 02 tháng đầu năm 2024 ước đạt 4.959 lượt khách, tăng 5,60% so với cùng kỳ năm 2023.

Ngày khách du lịch theo tour tháng 02/2024 ước đạt 5.713 ngày khách, tăng 10,63% so với tháng trước và tăng 22,70% so với cùng kỳ năm trước. Ước tính 02 tháng đầu năm 2024 đạt 11.364 ngày khách và tăng 22,70% so với cùng kỳ năm 2023.

6. Hoạt động xuất - nhập khẩu

Kim ngạch xuất khẩu của Tỉnh trong tháng 02/2024 và hai tháng đầu năm 2024 tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước. Với xuất khẩu, nguyên nhân là do các mặt hàng xuất khẩu chính của Tỉnh đều duy trì được đà tăng trưởng ở các tháng cuối năm 2024 kéo dài sang hai tháng đầu năm 2024. Đối với nhập khẩu, kim ngạch tăng mạnh trong hai tháng đầu năm 2024, nguyên nhân chủ yếu là do khối lượng nhập khẩu tăng mạnh (ngoại trừ xăng dầu) trong thời gian này để phục vụ cho sản xuất. Dự báo năm 2024 hoạt động xuất khẩu có nhiều thuận lợi hơn so với năm 2023.

6.1. Xuất khẩu: Ước tính tháng 02/2024, kim ngạch xuất khẩu của tỉnh đạt 137.196 ngàn USD, bằng 95,87% so với tháng trước nhưng tăng 34,39% so với tháng cùng kỳ năm trước. So với tháng trước các thành phần kinh tế đều có giá trị xuất khẩu giảm: Kinh tế nhà nước giảm 1,77%; Kinh tế tư nhân giảm 3,89%; Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài giảm 6,83%. So với cùng kỳ năm trước, Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có kim ngạch xuất khẩu tăng cao nhất,

tăng 191,45% (hay tăng 17.056 nghìn USD); Kinh tế tư nhân tăng 26,58%; Kinh tế nhà nước có kim ngạch xuất khẩu giảm 4,2% ; Nếu xem xét theo nhóm hàng, ước tính tất cả các nhóm hàng đều có giá trị xuất khẩu giảm so với tháng trước. Trong đó: Nhóm hàng thủy sản có giá trị xuất khẩu giảm 3,74% về giá trị và giảm 3,43% sản lượng; mặt hàng gạo có giá trị xuất khẩu giảm 7,09% về giá trị và giảm 7,13% về sản lượng.

Nếu không tính hàng tạm nhập tái xuất thì kim ngạch xuất khẩu tháng 02/2024 ước đạt 112.105 nghìn USD, bằng 95,40% so với tháng trước nhưng tăng 49,79% so với cùng kỳ năm 2023.

Ước tính 02 tháng đầu năm 2024 kim ngạch xuất khẩu của Tỉnh đạt 280.309 nghìn USD, tăng 42,04% so với cùng kỳ năm 2023.

Nếu không tính xăng dầu tạm nhập, tái xuất thì kim ngạch xuất khẩu trong 02 tháng đầu năm 2024 của Tỉnh ước đạt 229.618 nghìn USD, tăng 67,19% so với cùng kỳ năm 2023.

6.2. Nhập khẩu: Kim ngạch nhập khẩu tháng 02/2024 ước đạt 63.371 nghìn USD, bằng 96,69% so với tháng trước và tăng 16,53% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân làm kim ngạch nhập khẩu tăng so với cùng kỳ năm trước chủ yếu ở các mặt hàng nguyên phụ liệu dệt may, hàng khác.

Ước tính giá trị xăng dầu nhập khẩu trong tháng 02/2024 bằng 85,35% và khối lượng nhập bằng 82,27% so với tháng cùng kỳ năm trước. Nếu so với tháng trước, giá trị nhập mặt hàng xăng dầu bằng 96,70% và khối lượng nhập bằng 96,87%. Nguyên nhân làm giá trị xăng dầu giảm và khối lượng nhập giảm so với cùng kỳ năm trước là do tháng 02/2024 có Tết nên các Doanh nghiệp đã chuẩn bị nguồn cung xăng dầu, ngoài ra mặt hàng này còn được chủ động nguồn cung trong nước. Tình hình nhập khẩu các mặt khác như sau: giá trị nhập khẩu Nguyên phụ liệu sản xuất tân dược bằng 96,13% so với tháng trước và bằng 83,71% so với cùng kỳ năm trước; Nguyên phụ liệu may mặc bằng 97,66% so với tháng trước và tăng 14,47% so với cùng kỳ năm trước; Hàng khác bằng 96,52% so với tháng trước nhưng tăng 635,42% so cùng kỳ năm 2023.

Tính chung 02 tháng đầu năm 2024 kim ngạch nhập khẩu của Tỉnh ước đạt 128.912 nghìn USD, tăng 29,15% so cùng kỳ năm 2023 Trong đó, kinh tế nhà nước có giá trị nhập bằng 92,40%, kinh tế tư nhân bằng 304,53%, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài bằng 180,69%.

Cán cân thương mại thực hiện trong 02 tháng đầu năm 2024 của tỉnh ước tính xuất siêu 151.397 nghìn USD.

7. Giá cả thị trường, chỉ số giá

Những ngày đầu tháng 02/2024 là thời điểm trước Tết Nguyên đán Giáp

Thìn 2024, các mặt hàng thực phẩm, nông sản, hoa quả được tiêu thụ khá mạnh, giá bán các loại thực phẩm, rau củ quả đồ uống, đồ thờ cúng tăng nhẹ do nhu cầu tiêu dùng và đi lễ của người dân. Sau Tết tình hình thị trường vẫn ổn định, giá các mặt hàng thiết yếu không biến động, sức mua trên thị trường giảm nhiều so với trước tết.

7.1. Giá cả thị trường:

Giá bán lẻ xăng, dầu trong nước sẽ được điều chỉnh tăng ngày 21/02/2024 cụ thể sau: giá bán lẻ xăng Ron 95-III hiện nay là 22.140 đồng/lít, xăng sinh học E5Ron 92_II là 22.190 đồng/lít, dầu Diezen 0,05S_II có giá 19.520 đồng/lít, còn dầu hỏa là 20.490 đồng/lít.

Giá lúa Đông xuân đầu vụ giảm nhẹ: giá lúa loại I (lúa mua tại ruộng) từ 9.200 đồng/kg, giảm 300 đồng/kg so với tháng trước (cao hơn 2.150 đồng/kg so với cùng kỳ năm trước), lúa loại II từ 9.050 đồng/kg, giảm 150 đồng/kg so với tháng trước (cao hơn 2.650 đồng/kg so với cùng kỳ năm 2023).

Giá heo hơi trên địa bàn hiện dao động ở mức 50.245 đồng/kg, tăng 2.560 đồng/kg so tháng trước và thấp hơn 4.857 đồng/kg so với tháng cùng kỳ năm trước. Giá gà ta bán cho thương lái khoảng từ 75.855 đồng/kg, vịt trắng từ 51.849 đồng/kg, cao hơn 7.899 đồng/kg so cùng kỳ năm trước.

Giá cá tra nguyên liệu 26.500-27.000 đồng/kg (loại 0,7-0,8 kg/con) cao hơn so với cùng kỳ năm trước khoảng 1.500 – 2.000 đồng/kg.

Tôm thương phẩm loại 1 được thu mua tại ao có giá dao động từ 160.000 - 180.000 đồng/kg.

7.2. Chỉ số giá

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 02/2024 tăng 0,87% so với tháng trước; tăng 5,04% so cùng kỳ năm trước; so với tháng 12 năm trước tăng 1,20% và tăng 4,91% so với bình quân cùng kỳ năm 2023. Trong tháng, có 8 nhóm hàng tăng so với tháng trước, cao nhất là nhóm hàng May mặc, mũ nón, giày dép tăng 2,15%, kế đến là Giao thông tăng 2,14%; Các nhóm hàng còn lại chỉ số tương đối ổn định hoặc tăng, giảm không nhiều.

Nếu so với tháng cùng kỳ năm trước (tháng 02/2023) chỉ số CPI tăng 5,04%, trong đó nhóm hàng May mặc, mũ nón, giày dép tăng cao nhất (tăng 11,97%), nguyên nhân chính là do kỳ nghỉ tết Nguyên đán rơi vào tháng 02/2024.

Giá vàng trong tháng 02/2024 so với tháng trước tăng 1,45% và tăng 16,13% so với cùng kỳ năm trước.

Giá USD trên thị trường trong tháng 02/2024 tăng 0,81% so với tháng trước và tăng 4,82% so với cùng kỳ năm trước.

8. Một số tình hình xã hội

Ngành giáo dục và đào tạo:

Ngành giáo dục với sự quan tâm của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), UBND tỉnh, các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố ngành đã cùng tập thể cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh (HS) trong toàn tỉnh, không ngừng phấn đấu nâng cao chất lượng GD&ĐT, tạo ra các chuyển biến tích cực trong công tác dạy và học. Toàn ngành chủ động thực hiện chuyển đổi số, nỗ lực phấn đấu đưa Thành phố Sa Đéc, Thành phố Cao Lãnh trở thành Thành phố học tập toàn cầu. Thực hiện Đề án chuyển đổi số, Sở GD&ĐT đã triển khai trong toàn ngành các hướng dẫn liên quan đến nội dung chuyển đổi số như tổ chức các hội nghị trực tiếp, trực tuyến từ cấp tỉnh đến các huyện, thành phố. Triển khai Chương trình giáo dục STEM đến 100% các đơn vị trường từ cấp Tiểu học đến cấp Trung học phổ thông theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

Ngày 3/02/2024, tại Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), UBND tỉnh Đồng Tháp tổ chức Lễ trao tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Nhà giáo Ưu tú” cho 22 giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục thuộc tỉnh Đồng Tháp. Phát biểu tại buổi lễ đồng chí Huỳnh Minh Tuấn Phó Chủ tịch UBND Tỉnh chúc mừng các giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục vinh dự nhận danh hiệu “Nhà giáo Ưu tú” và nhấn mạnh: Sắp tới, cùng với cả nước, ngành GD&ĐT Đất Sen Hồng đang đứng trước những yêu cầu mới, đòi hỏi cao về năng lực, phẩm chất, nhân cách nhà giáo và mong muốn, các tân “Nhà giáo Ưu tú” tiếp tục cống hiến, rèn luyện, nâng cao năng lực chuyên môn, là tấm gương sáng cho học sinh noi theo. Đồng thời đề nghị, ngành GD&ĐT quan tâm xây dựng môi trường văn hóa, sáng tạo, chú trọng cả “dạy chữ” và “dạy người”; phát huy tính dân chủ để đội ngũ nhà giáo có điều kiện phát triển tài năng, cống hiến. Các cấp, ngành cần chung tay cùng ngành GD&ĐT tháo gỡ khó khăn, góp phần xây dựng quê hương Đồng Tháp phồn vinh, hạnh phúc...

Ngành Y tế:

Nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn nhất là trong dịp Tết Nguyên đán, các cơ sở y tế đẩy mạnh thực hiện các hoạt động thông tin, giáo dục, truyền thông về an toàn vệ sinh thực phẩm tuyên truyền các thông tin cảnh báo và lên kế hoạch các biện pháp xử lý kịp thời khi phát hiện sự cố mất an toàn thực phẩm. Trong dịp Tết Nguyên đán vừa qua các cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh đã thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Chủ tịch UBND Tỉnh về tăng cường công tác khám, chữa bệnh, tổ chức thường trực 4 cấp đầy đủ, bảo đảm khám, cấp cứu kịp thời đầy đủ cho người dân. Các ngành chức năng phối hợp chặt chẽ, triển khai thực hiện kế hoạch kiểm tra, kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm trước, trong Tết. Công tác kiểm tra, kiểm soát giết mổ, tình hình kinh

doanh mua bán động vật, sản phẩm động vật được tăng cường thực hiện, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm cho người tiêu dùng.

Số cas mắc một số bệnh truyền nhiễm tính đến đầu tháng 02/2024 như sau: Bệnh cúm: 483 cas; Bệnh tiêu chảy: 784 cas; Hội chứng tay, chân, miệng: 325 cas; Sốt xuất huyết: 151 cas; Bệnh lao phổi: 15 cas; Bệnh viêm gan do virus: 110 cas; Bệnh uốn ván: 02 cas, Bệnh viêm não: 05 cas.

Ngành lao động - thương binh xã hội

Công tác lao động việc làm: Từ đầu năm đến nay đã tổ chức được 01 phiên giao dịch việc làm, có 16 doanh nghiệp tham dự với 378 lao động. Đầu năm đến nay đã giải quyết việc làm cho 2.908 lao động, trong đó 159 lao động đã xuất cảnh đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; số lao động đang học ngoại ngữ - giáo dục định hướng là 98 người. Trong tháng, đã ban hành quyết định cho 723 người hưởng trợ cấp thất nghiệp, với tổng số tiền 11.758 triệu đồng.

Phong trào đền ơn đáp nghĩa: Trong tháng, điều chỉnh tăng, giảm và trợ cấp mai táng phí Người có công với cách mạng cho 219 trường hợp (tăng trợ cấp 126 trường hợp, giảm 93 trường hợp) tổ chức đoàn đi thăm tặng quà cho Thương binh và thân nhân liệt sĩ tại Trung tâm Điều dưỡng Thương binh và người có công Long Đất; tham gia cùng các Đoàn lãnh đạo tỉnh đi thăm và tặng quà cho đối tượng người có công tiêu biểu tại các huyện, thành phố nhân dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024; đồng thời theo dõi, đôn đốc các huyện, thành phố trong việc chuyển quà Chủ tịch nước, quà của tỉnh và quà của địa phương đến đối tượng chính sách đảm bảo kịp thời trước Tết Nguyên đán; phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức và tiếp đoàn viếng nghĩa trang liệt sĩ và thấp nển tri ân, đồng thời theo dõi việc viếng nghĩa trang liệt sĩ, thấp nển tri ân ở các nghĩa trang liệt sĩ huyện, xã và đền thờ liệt sĩ.

Công tác đào tạo nghề: Triển khai thực hiện Kế hoạch đào tạo nghề phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2023; Kế hoạch tổ chức các lớp học xóa mù chữ, phổ cập giáo dục, hướng nghiệp dạy nghề cho phạm nhân chấp hành án tại Trại tạm giam Công an Tỉnh, giai đoạn 2023 -2025; tham mưu dự thảo Kế hoạch thực hiện Quyết định số 73/QĐ-TTg ngày 10/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến 2045; báo cáo UBND Tỉnh dự án thành lập Trường Trung cấp phục vụ đào tạo nghề cho lao động tham gia xuất khẩu lao động tại Đồng Tháp. Tính đến nay các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn Tỉnh đã tuyển sinh và đào tạo được 432/15.000 học viên trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng, đạt 2,88 % kế hoạch năm.

Ngành văn hóa, thông tin, thể thao và du lịch:

Trong tháng, toàn Ngành tập trung công tác tuyên truyền, cổ động trực quan, tuyên truyền kỷ niệm 94 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và các ngày lễ, kỷ niệm gắn với các nhiệm vụ trọng tâm của Tỉnh.

Nhằm tạo không khí vui tươi, phấn khởi trước thềm năm mới, các địa phương trong tỉnh đã chủ động tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ phục vụ nhân dân, tôn vinh tinh hoa văn hóa của dân tộc, qua đó quảng bá, giới thiệu tiềm năng phát triển kinh tế- xã hội, văn hóa du lịch, hình ảnh, con người, thiên nhiên vùng Đất Sen Hồng như: tổ chức Đường hoa Xuân Giáp Thìn năm 2024 với chủ đề “Đồng Tháp Sen Hồng - Bứt phá tiên phong” với thiết kế đẹp mắt, kết hợp hài hòa giữa các yếu tố tự nhiên cùng hệ thống ánh sáng độc đáo với sự hiện diện của linh vật Rồng - biểu tượng của năm Giáp Thìn 2024 và linh vật Bé Sen - một hình ảnh đậm chất Đất Sen Hồng, tạo nên một điểm tham quan thu hút du khách, thu hút hơn 3.600 lượt khách tăng 20% so với năm trước; Đặc biệt là Chương trình nghệ thuật Đêm Giao thừa mừng Đảng - mừng Xuân Giáp Thìn 2024 diễn ra vào tối ngày 09/02/2024 (30 Tết) tại thành phố Cao Lãnh - thủ phủ Đất Sen Hồng trực tiếp trên sóng Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Tháp, kết nối với chương trình tại 02 điểm cầu thành phố: Sa Đéc và Hồng Ngự và kết hợp bắn pháo trong đêm giao thừa tại 03 thành phố: thành phố Cao Lãnh, thành phố Sa Đéc và thành phố Hồng Ngự, tạo không khí vui tươi, phấn khởi trong nhân dân vui Xuân, đón Tết thu hút khoảng 500.000 người đến tham quan tăng 50% so với năm trước; các khu, điểm du lịch trên địa bàn toàn tỉnh trong 6 ngày Tết thu hút hàng ngàn lượt khách tham quan.

Ngoài ra, các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh còn triển khai tổ chức đa dạng các hội thi văn nghệ, hoạt động vui chơi, giải trí, thể dục thể thao phục vụ đời sống tinh thần của người dân như: chơi chim nghệ thuật; đá gà nghệ thuật; giao lưu biểu diễn Lân Sư Rồng; cờ tướng vận động; bóng chuyền nam, bóng chuyền hơi nữ, cờ vua, cờ tướng, cầu lông, các trò chơi dân gian... góp phần tạo ra sân chơi lành mạnh, bổ ích phục vụ người dân vui chơi, giải trí trong những ngày Tết đến Xuân về.

Trong tháng, Triển khai Kế hoạch phát triển Thể dục thể thao tỉnh Đồng Tháp năm 2024. Quyết định cử các đoàn thể thao tham gia các giải: Vô địch Cờ vua quốc gia năm 2024; tranh Cúp ARISTINO; giải Vô địch Cờ vua Nhanh, Chớp các nhóm tuổi Đồng bằng sông Cửu Long mở rộng 2024; giải Cầu lông quốc tế “Vietnam International Challenge 2024”. Đội Bóng đá U19 Đồng Tháp thi đấu tốt, đạt hạng Nhất bảng G giải Bóng đá Vô địch U19 quốc gia năm 2024, tiếp tục thi đấu Vòng chung kết Giải Bóng đá Vô địch U19 Quốc gia năm 2024.

Trật tự an toàn xã hội:

Theo số liệu thống kê của Ban an toàn giao thông Tỉnh từ ngày 15/12/

2023 đến ngày 21/02/2024 toàn tỉnh đã xảy ra 34 vụ tai nạn giao thông, làm 34 người chết và bị thương 04 người, so với cùng kỳ năm trước, tăng 8 vụ, số người chết tăng 9 người, số người bị thương tăng 10 người. Công tác đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống cháy, nổ và các tệ nạn xã hội khác tiếp tục được tăng cường. Tình hình an ninh chính trị tại các địa phương trên địa bàn tỉnh được đảm bảo. Công an tỉnh phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các địa phương tập trung chỉ đạo giải quyết kịp thời các vụ việc phức tạp về phòng, chống tội phạm; Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm soát thị trường, phát hiện kịp thời các hiện tượng kinh doanh hàng cấm, hàng giả, hàng kém chất lượng, hàng không rõ nguồn gốc xuất xứ, hàng không bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm.

Tình hình xã hội môi trường: Theo báo cáo của phòng Cảnh sát PCCC & CNCH tính từ thời điểm 15/01/2024 đến 15/02/2024, trên địa bàn đã xảy ra 02 vụ cháy, thiệt hại về tài sản khoảng 1.120 triệu đồng:

- Vào khoảng 20 giờ 00 phút, ngày 29/01/2024 xảy ra vụ cháy xe tải, tại km 120, cao tốc Mỹ Thuận – Cần Thơ thuộc địa phận ấp An Phú, xã An Khánh, huyện Châu Thành. Đến 21 giờ 30 đám cháy được dập tắt hoàn toàn. Thiệt hại: không thiệt hại về người, về tài sản khoảng 1,1 tỷ đồng. Nguyên nhân: nhận định ban đầu hệ thống dây dẫn điện giữa bình ắc quy và cóc đề bị chập gây cháy.

- Vào lúc 11 giờ 30 phút, ngày 09/02/2024 trên cầu Cái Bèo, Quốc lộ 30 thuộc địa phận ấp 4, xã Bình Hàng Trung, huyện Cao Lãnh, xảy ra vụ cháy xe ô tô. Đến 12 giờ cùng ngày, đám cháy được dập tắt hoàn toàn. Thiệt hại: không thiệt hại về người; thiệt hại về tài sản khoảng 20 triệu đồng. Nguyên nhân: đang điều tra làm rõ.

Cũng trong tháng, số vụ vi phạm phát hiện 03 vụ, đã xử lý vi phạm môi trường là 02 vụ, với tổng số tiền xử lý là 96 triệu đồng.

II. TÌNH HÌNH TẾT NGUYÊN ĐÁN GIÁP THÌN 2024

Tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024 trên địa bàn Tỉnh được tổ chức trên tinh thần vui tươi, lành mạnh, an toàn, tiết kiệm; thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong tổ chức Tết. Tình hình Tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024 như sau:

1. Công tác lãnh đạo, điều hành

Thực hiện Chỉ thị số 26-CT/TW ngày 23/11/2023 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc tổ chức Tết Giáp Thìn năm 2024 và Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 15/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường các biện pháp bảo đảm đón Tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024 vui tươi, lành mạnh, an toàn, tiết kiệm và các công điện của Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo trong công tác tổ

chức Tết Nguyên đán;

Thực hiện công văn số 1136-CV/TU ngày 13/12/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Đồng Tháp về tổ chức tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024 ;

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của Bộ, ngành Trung ương như sau:

- Chỉ thị số 422/CT-BNN-LN ngày 12/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phát động "Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ" nhân dịp xuân Giáp Thìn năm 2024;

- Chỉ thị số 01/CT-BTC ngày 09/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc tăng cường công tác quản lý, điều hành và bình ổn giá trong dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024;

- Chỉ thị số 01/CT-BYT ngày 05/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc tăng cường công tác y tế đảm bảo đón Tết Nguyên Đán Giáp Thìn 2024;

- Chỉ thị số 16/CT-BCT ngày 25/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc tăng cường công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả dịp trước, trong và sau Tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024;

- Thực hiện Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 28/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh tăng cường các biện pháp bảo đảm đón Tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024 vui tươi, lành mạnh, an toàn, tiết kiệm;

- Thực hiện kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 05/01/2024 của UBND tỉnh về tổ chức các hoạt động mừng Đảng - mừng Xuân Giáp Thìn 2024;

- Thực hiện kế hoạch số 384/KH-UBND ngày 17/12/2023 của UBND tỉnh về kế hoạch cao điểm chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trước, trong và sau Tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024;

- Thực hiện kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 25/01/2024 của UBND tỉnh về kế hoạch thăm và chúc Tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024;

Đồng thời, UBND Tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chức năng và UBND huyện, thành phố tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau:

Công văn số 377/UBND-TH ngày 06/02/2024 của UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức trực và báo cáo tình hình trong dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024;

Công văn số 137/UBND-NCPC ngày 04/02/2024 của UBND chỉ đạo về tăng cường các giải pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn và Lễ hội Xuân 2024

Công văn số 423/UBND-NCPC ngày 08/12/2023 của UBND thực hiện cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, đảm bảo an ninh, trật tự Tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024;

Công văn số 06/UBND-VX ngày 09/01/2024 của UBND tăng cường công tác bảo đảm an sinh xã hội dịp Tết nguyên đán Giáp Thìn năm 2024;

Công văn số 31/UBND-NCPC ngày 09/01/2024 của UBND tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy trong các dịp Lễ, Tết năm 2024;

2. Công tác chăm lo, chuẩn bị Tết cho người dân

Trong dịp Tết, các cấp, các ngành, đoàn thể và doanh nghiệp đã tổ chức thăm hỏi, động viên, chúc Tết các bậc lão thành Cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình người có công với Cách mạng, các đối tượng chính sách, chức sắc tôn giáo tiêu biểu, các lực lượng vũ trang, biên phòng... bảo đảm Tết đến với mọi người và mọi nhà.

Tính đến ngày 15/02/2024 (mùng 5 Tết), các cấp, các ngành trong Tỉnh đã trao tặng quà cho 233.081 hộ nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng chính sách trên địa bàn tỉnh với tổng kinh phí 81,25 tỷ đồng (tăng 27 tỷ đồng so với năm trước). Cụ thể: Đã trao tặng quà Tết cho 64.251 người có công với Cách mạng và gia đình chính sách với tổng kinh phí 22,548 tỷ đồng; 153.296 hộ nghèo, cận nghèo với tổng kinh phí 54,180 tỷ đồng; 4.173 đối tượng bảo trợ xã hội với tổng kinh phí 1,46 tỷ đồng; 11.361 trẻ em với kinh phí là 3,061 tỷ đồng. Theo nguồn kinh phí huy động đến thời điểm báo cáo, quà của Chủ tịch nước là 5,904 tỷ đồng, ngân sách nhà nước của Tỉnh là 9,794 tỷ đồng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Tỉnh hỗ trợ và vận động hỗ trợ là 15,545 tỷ đồng, các tổ chức chính trị và xã hội, đoàn thể, hội trên địa bàn Tỉnh là 44,297 tỷ đồng, còn lại từ nguồn hỗ trợ vận động của các huyện, thành phố.

Đa số doanh nghiệp vẫn duy trì trả lương cho người lao động từ bằng và cao hơn mức lương tối thiểu vùng theo quy định của Chính phủ. Tiền thưởng Tết bình quân của người lao động khoảng 7,5 triệu đồng/người (tăng 1,5 triệu so với năm trước), trong đó: Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp Nhà nước có mức thưởng bình quân 8,8 triệu đồng/ người (tương đương năm trước); doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, mức thưởng bình quân 8 triệu đồng (tương đương năm trước); doanh nghiệp tư nhân có mức thưởng Tết bình quân là 5,6 triệu đồng (tăng 0,3 triệu so với năm trước). Ngoài tiền thưởng, nhiều doanh nghiệp động viên người lao động, trao tặng những phần quà tình nghĩa khi về quê đón Tết. Trong tháng 01 và đầu tháng 02 năm 2024 đã có 275 lao động ngoài tỉnh bị mất việc làm, chấm dứt hợp đồng lao động, đăng ký hưởng trợ cấp thất nghiệp; số lao động hưởng trợ cấp thất nghiệp trong tháng 01 năm 2024 là 4.725 người. Nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp lớn trên địa bàn Tỉnh qua khảo sát khoảng 5.500 lao động, các ngành các cấp đang khẩn trương kết nối để giải quyết việc làm cho người lao động ngay sau Tết.

3. Các hoạt động mừng Đảng, mừng Xuân, thông tin, tuyên truyền

Nhằm tạo không khí vui tươi, phấn khởi trong Nhân dân trước thềm năm mới, các địa phương chủ động tổ chức sớm các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao trên địa bàn để phục vụ Nhân dân. Các hoạt động tổ chức được chọn lọc đặc sắc, tôn vinh tinh hoa văn hóa của dân tộc, qua đó quảng bá, giới thiệu tiềm năng phát triển kinh tế, văn hóa du lịch, hình ảnh quê hương, con người, thiên nhiên vùng Đất Sen Hồng.

Tiêu biểu là Đường hoa Xuân Giáp Thìn năm 2024 với chủ đề “Đồng Tháp Sen Hồng - Bứt phá tiên phong”, sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường, gắn với nét đặc trưng của Đồng Tháp như sen, trầm, tre, gần 8.000 chậu hoa, trên 30 loài hoa có sẵn ở địa phương, được bố trí đẹp mắt, kết hợp hài hòa giữa các yếu tố tự nhiên cùng hệ thống ánh sáng độc đáo. Điểm nổi bật của Đường hoa Xuân là linh vật Rồng - biểu tượng của năm Giáp Thìn 2024; kết nối với khuôn viên Ủy ban nhân dân tỉnh mở cửa đón người dân, du khách đến tham quan, chụp ảnh lưu niệm. Đây là năm thứ 9, Ủy ban nhân dân tỉnh đón người dân, du khách đến tham quan vào dịp Tết Nguyên đán, kết quả 06 ngày mở cửa đã thu hút hơn 3.600 lượt khách đến tham quan, tăng 20% so với năm trước (năm 2023 là 3.000 lượt khách). Ngoài ra, sự hiện diện xuyên suốt của linh vật Bé Sen - một hình ảnh đậm chất Đất Sen Hồng gần gũi, mộc mạc, tạo điểm nhấn đặc biệt, điểm tô sự năng động, tươi trẻ. Số lượt khách tham quan Đường hoa Xuân tại thành phố Cao Lãnh và khuôn viên UBND Tỉnh qua 6 ngày Tết lên đến hàng trăm ngàn người.

Chương trình nghệ thuật Đêm Giao thừa mừng Đảng - mừng Xuân Giáp Thìn 2024, được trực tiếp trên sóng Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Tháp, kết nối với chương trình tại 02 điểm cầu thành phố Sa Đéc và thành phố Hồng Ngự và kết hợp bắn pháo trong đêm giao thừa tại 03 thành phố: thành phố Cao Lãnh, thành phố Sa Đéc và thành phố Hồng Ngự, tạo không khí vui tươi, phấn khởi trong Nhân dân vui xuân, đón Tết, có khoảng 500.000 người đến tham quan và xem bắn pháo hoa, tăng 50% so với năm trước (năm 2023 có 330.400 người). Ngoài ra, một số huyện, thành phố triển khai tổ chức đa dạng các hội thi văn nghệ, hoạt động triển lãm, các hoạt động vui chơi, giải trí phục vụ người dân.

Các khu điểm du lịch trên địa bàn tỉnh cải tạo cảnh quan, vệ sinh môi trường, cải thiện và nâng cấp các sản phẩm dịch vụ du lịch và tổ chức các hoạt động để đón người dân, du khách đến tham quan, trải nghiệm trong dịp Tết Nguyên đán 2024. Kết quả số lượng khách đến tham quan tại các khu, điểm du lịch trên địa bàn toàn tỉnh từ ngày 08/02/2024 (nhằm ngày 29 tháng Chạp) đến ngày 14/02/2024 (nhằm ngày mùng 05 Tết) là 163.084 lượt khách, tăng 5,1% so với năm 2023 (lượt khách năm 2023 là 155.157 lượt khách); doanh thu đạt 25,273 tỷ đồng, tăng 58% so với năm 2023 (doanh thu năm 2023 là 16,044 tỷ đồng).

Thông tin liên lạc đảm bảo hoạt động thông suốt, phục vụ tốt công tác chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp và nhu cầu của nhân dân. Toàn tỉnh chưa xảy ra sự cố làm mất thông tin liên lạc và chưa phát hiện các nguy cơ cao về mất an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh. Tình hình dư luận ổn định, người dân phấn khởi và quan tâm nhiều đến linh vật Rồng và Đường hoa Xuân tại các thành phố trên địa bàn tỉnh.

Công tác thông tin, tuyên truyền được tăng cường, kịp thời thông tin, phản ánh không khí vui Xuân, đón Tết của Nhân dân. Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Tháp đã xây dựng nhiều chương trình truyền hình đặc sắc, hấp dẫn, góp phần, giữ vững chỉ số khán giả xem và kênh THĐT1 vươn lên vị trí thứ nhất, kênh Miền Tây THĐT2 tăng một bậc, đứng vị trí thứ 7 khu vực ĐBSCL: Chương trình “Xông đất đầu năm” các Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Nông dân, Vận động viên tiêu biểu; Chương trình Talkshow “Li xì sách, khai thức đầu xuân Giáp Thìn 2024”; Chương trình truyền hình thực tế “Chuyến xe ngày Tết” và “Táo du xuân”; Chương trình “Táo miệt vườn”; Series tiểu phẩm “Xứ sen đón Tết”; Chương trình “Trái tim xuân”; Chương trình “Vui Tết cùng Truyền hình Đồng Tháp”; Phim Tài liệu “Năm Thìn nói chuyện Rồng”; Phóng sự dài “Tết ở nhà giàn DK1”; Chương trình “Tự hào đất Sen Hồng”. Phối hợp với Hãng phim truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh sản xuất 02 phim tài liệu: “Sa Đéc - Đất và Hoa”, “Làng chiếu Định Yên”; Trực tiếp Lễ hội giao thừa và bắn pháo hoa.

4. Hoạt động vận tải và đảm bảo an toàn giao thông, thông tin liên lạc, cung cấp điện nước trong dịp tết Nguyên đán

Về an toàn giao thông: các ngành chức năng tổ chức thực hiện các đợt tuần tra, kiểm soát đường bộ, đường thủy, phương tiện xe cơ giới.

- Công tác tuần tra, kiểm soát trật tự an toàn giao thông 457 ca, qua công tác tuần tra phát hiện lập biên bản vi phạm hành chính 200 trường hợp, xử phạt hành chính với số tiền 319,48 triệu đồng; giáo dục, nhắc nhở 364 trường hợp (giảm 26 trường hợp so với cùng kỳ năm 2023). Tình hình tại các bến xe trên địa bàn tỉnh được đảm bảo an ninh và trật tự, không xảy ra việc tranh giành, lôi kéo hành khách; không có ùn tắc giao thông ngoài khu vực bến xe, các tuyến vận tải trên địa bàn tỉnh. Bến phà, bến khách ngang sông hoạt động thông suốt, đảm bảo an ninh trật tự, không ùn tắc.

- Tai nạn giao thông đường bộ xảy ra 11 vụ, làm 06 người chết (số vụ tăng thêm 4 vụ; số người chết giảm 01 người cùng kỳ năm trước), có 05 người bị thương (tương đương năm 2023), thiệt hại tài sản khoảng 17 triệu đồng. Tình hình sạt lở, thiên tai không xảy ra. Xảy ra 01 vụ cháy xe ô tô con đang lưu thông trên đường (tăng 01 vụ), hậu quả ô tô bị hư hỏng nặng, thiệt hại về tài sản khoảng 20 triệu đồng, không thiệt hại về người, nguyên nhân do chập điện.

Các hoạt động cấp nước, dịch vụ thông tin liên lạc, bưu điện, điện lực đều diễn ra ổn định, liên tục, đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của người dân. Hệ thống ATM hoạt động ổn định, an toàn, không xảy ra sự cố.

5. Hoạt động y tế, an toàn vệ sinh thực phẩm

Công tác phòng, chống dịch bệnh và chăm sóc sức khỏe Nhân dân

Các cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh tổ chức thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Chủ tịch UBND Tỉnh về tăng cường công tác khám, chữa bệnh trong dịp Tết, đã tổ chức thường trực 4 cấp đầy đủ, bảo đảm khám, cấp cứu cho người dân trong dịp Tết. Các ngành chức năng đã phối hợp chặt chẽ, triển khai thực hiện kế hoạch kiểm tra, kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm trước, trong Tết. Công tác kiểm tra, kiểm soát giết mổ tình hình kinh doanh mua bán động vật, sản phẩm động vật được tăng cường thực hiện, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm cho người tiêu dùng.

Trong 07 ngày Tết Nguyên đán năm 2024, các cơ sở y tế trên địa bàn Tỉnh tiếp nhận khám, cấp cứu tổng số **14.103** ca (*tăng 55,36% so với năm 2023*); trong đó, tai nạn giao thông là **973** ca (*giảm 136 ca, tương ứng giảm 14,51%*); tai nạn do pháo nổ, pháo hoa là **08** ca (*tăng 7 ca, tương ứng tăng 97,5%*).

Công tác đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm:

Các ngành chức năng đã phối hợp chặt chẽ, triển khai thực hiện kế hoạch kiểm tra, kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm trước, trong Tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024 đã triển khai đồng bộ, trước, trong tết trên toàn tỉnh góp phần nâng cao chất lượng an toàn thực phẩm đảm bảo cho nhân dân vui xuân, đón tết.

Các đơn vị thực hiện công tác kiểm tra kết hợp với phổ biến các quy định về an toàn thực phẩm giúp các cơ sở thực phẩm nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành tốt các quy định về an toàn thực phẩm.

Trong các ngày Tết trên địa bàn tỉnh không ghi nhận ngộ độc thực phẩm; không phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực Công Thương.

6. Tình hình thị trường, giá cả hàng hoá ngày Tết:

Tình hình cung cầu, thị trường dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp tương đối ổn định, đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân trong dịp Tết, không có mặt hàng nào sốt giá, tăng giá đột biến. Giá cả thị trường vẫn ổn định, không có hiện tượng thu gom hàng hóa bất thường gây tình trạng khan hiếm hàng đột biến. Giá cả bình quân các mặt hàng thiết yếu như thịt gia súc, gia cầm, gạo, rau củ có sự biến động nhẹ tăng giá từ **10 - 15%** so

với ngày thường, nhìn chung, giá cả tương đương với năm 2023, có một số mặt hàng tăng, giảm giá nhẹ.

Sức mua vào các ngày cận Tết tại các chợ truyền thống tăng khoảng 50% đến 70% so với ngày thường (giảm từ 10 - 20% so với cùng kỳ năm trước). Riêng tại các Siêu thị đang mở nhiều đợt khuyến mãi, giảm giá, sức mua của người dân tại đây tăng 150% - 300% so với ngày bình thường (giảm từ 10 - 30% so với cùng kỳ năm 2023).

Tình hình tiêu thụ hàng hóa nông thủy sản trước và trong dịp Tết được mua bán và lưu thông tốt. Tuy nhiên, giá cả các mặt hàng chưng Tết như hoa chậu (Vạn thọ, Cúc mâm xôi) có sự giảm nhẹ vào những ngày 29, 30 Tết. Các mặt hàng hoa kiểng, dưa hấu Tết sức mua cũng như lượng tiêu thụ không cao, phải giảm giá, nhưng không xảy ra tình trạng tồn đọng đáng kể.

Tình hình vận chuyển, buôn bán hàng cấm, hàng nhập lậu trên địa bàn tỉnh vẫn còn diễn ra, số vụ bắt giữ đa phần nhỏ lẻ. Cục Quản lý thị trường triển khai kiểm tra 17 vụ (8 vụ theo kế hoạch và 9 vụ đột xuất), phát hiện vi phạm là 9 vụ (trị giá hàng hoá tịch thu là 12,4 triệu đồng, trị giá hàng hoá tiêu huỷ là hơn 3 triệu đồng).

Các dịch vụ ngoại hối, thu đổi ngoại tệ phục vụ nhu cầu của người dân và dịch vụ thanh toán, hệ thống ATM/POS hoạt động ổn định, an toàn, thông suốt.

7. Tình hình an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội

Lực lượng chức năng trong Tỉnh thực hiện nghiêm các nhiệm vụ, kịp thời xử lý các tình huống đột xuất xảy ra trên địa bàn. Đặc biệt, các địa phương có đường biên giới duy trì tốt các chốt trạm tại các khu vực trọng yếu, đường mòn, lối mở và thường xuyên tuần tra ngăn chặn, xử lý người nhập cảnh trái phép theo quy định. Tình hình biên giới, an ninh chính trị, an ninh trật tự và an toàn xã hội trong dịp Tết bảo đảm ổn định:

- Tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh từ ngày 08/02/2024 đến ngày 14/02/2024 (từ ngày 29 Tết đến mừng 5 Tết) tương đối ổn định, không có diễn biến bất thường, không xảy ra các vụ việc phức tạp, nghiêm trọng. Tình hình an ninh, trật tự khu vực biên giới Đồng Tháp - Prey Veng ổn định. Các khu vực neo đậu bè nổi của người Campuchia gốc Việt chưa phát sinh phức tạp.

- Lực lượng chức năng thực hiện 1.336 đợt tuần tra đảm bảo an ninh, trật tự, giáo dục, răn đe 2.115 đối tượng có biểu hiện vi phạm pháp luật, tụ tập đêm khuya, nhắc nhở 81 trường hợp mua bán lấn chiếm lòng lề đường, vỉa hè, xử lý 09 trường hợp vi phạm trật tự an toàn giao thông. Tội phạm về trật tự xã hội xảy ra 04 vụ (giảm 01 vụ so với cùng kỳ năm trước), làm chết 02 người, bị thương 02

người, thiệt hại tài sản khoảng 42 triệu đồng. Triệt xóa 13 vụ tệ nạn xã hội (giảm 11 vụ so với năm trước), bắt xử lý 102 đối tượng và tạm giữ các tang vật có liên quan; phát hiện, xử lý 07 vụ vận hàng cấm, hàng nhập lậu thuốc bảo vệ thực vật và thuốc lá (tăng 05 vụ so với cùng kỳ năm trước); phát hiện, bắt giữ 03 vụ tàng trữ trái phép pháo nổ (giảm 02 vụ so với cùng kỳ năm trước), thu giữ hơn 1,2kg pháo banh.

- Lực lượng chức năng quản lý 1.597 lượt người xuất, nhập cảnh qua biên giới, không để xảy ra xâm nhập, phá hoại; quản lý 2.634 lượt người nước ngoài đến tham quan, du lịch, thăm thân (có 171 người rời khỏi địa phương), chưa phát hiện các hoạt động liên quan đến an ninh chính trị tại địa phương.

Nhìn chung các hoạt động kinh tế – văn hoá – xã hội trước, trong dịp tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp đã được triển khai thực hiện và diễn ra phong phú về mặt hình thức, nội dung, vui tươi, phấn khởi, trang trọng, tiết kiệm, mang đậm bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc, đảm bảo Tết đến với mọi người, mọi nhà ./.

Nơi nhận:

- * Vụ Tổng hợp - TCTK;
- * Thường trực Tỉnh ủy (2);
- * Thường trực HĐND Tỉnh (2);
- * Thường trực UBND Tỉnh (4);
- * VP. Tỉnh ủy;
- * VP. HĐND tỉnh;
- * VP. UBND tỉnh;
- * Ban Tuyên Giáo TU;
- * Lãnh đạo Cục (2);
- * Sở KH & ĐT;
- * Chủ tịch UBND các huyện, TP (12)
- * Các phòng Nghiệp vụ Cục (3);
- * Các Chi cục Thống kê huyện, TP (12);
- * Lưu: TH +Văn thư (2).

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Văn Toàn

PHỤ LỤC I: Số liệu

1. Thu - Chi ngân sách:

	Dự toán năm 2024 (triệu đồng)	Ước thực hiện đến 31/01/2024 (triệu đồng)	Ước 2024 so với	
			Dự toán giáo (%)	Năm 2023 (%)
I. THU NGÂN SÁCH				
A. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	9.266.000	1.131.432	12,21	129,82
1. Thu nội địa	9.066.000	1.090.796	12,03	126,64
TĐ: - Thu từ doanh nghiệp nhà nước	530.000	105.559	19,92	181,63
- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.701.000	295.917	17,40	90,38
- Thu phí xăng dầu, thuế bảo vệ môi trường	1.065.000	63.968	6,01	147,99
- Thu từ doanh nghiệp đầu tư nước ngoài	75.000	21.139	28,19	198,96
- Thu tiền sử dụng đất	1.770.000	140.404	7,93	128,91
- Thu phí, lệ phí	520.000	62.570	12,03	134,45
- Thu xổ số kiến thiết	1.950.000	268.166	13,75	188,27
2. Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	200.000	40.636	20,32	398,39
II. TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG				
	17.907.010	1.478.985	8,26	47,58
1. Chi cân đối ngân sách	15.918.034	1.432.510	9,00	46,08
TĐ: Chi đầu tư phát triển	4.923.186	344.304	6,99	262,50
Chi thường xuyên	10.664.979	815.363	7,65	57,00
TĐ: + Chi sự nghiệp kinh tế	2.068.979	86.125	4,16	49,34
+ Chi sự nghiệp môi trường	151.965	1.751	1,15	39,90
+ Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	31.218	437	1,40	105,81
+ Chi sự nghiệp GDDT và dạy nghề	4.797.946	312.327	6,51	55,87
+ Chi sự nghiệp y tế	828.538	35.752	4,32	88,82
+ Chi quản lý hành chính - Đảng - Đoàn thể	1.570.458	227.750	14,50	63,77
Chi bổ sung quỹ DTTC	2.000	-	-	-
2. Chi từ nguồn NSTW BS có mục tiêu	1.988.976	45.116	2,27	-
3. Chi tạm ứng	-	1.359	-	-

2. Một số chỉ tiêu Tín dụng

	Thực hiện đến 31/12/2023 (tỷ đồng)	Thực hiện đến 31/01/2024 (tỷ đồng)	ƯT 31/01/2024 so với 31/12/2023
I. Nguồn vốn huy động	68.290	66.888	97,95
- Tiền gửi tiết kiệm	45.703	44.765	97,95
- Tiền gửi thanh toán	21.914	21.464	97,95
- Phát hành giấy tờ có giá	673	659	97,92
II. Tổng dư nợ tín dụng	106.833	105.055	98,34
1. Dư nợ ngắn hạn	80.646	79.304	98,34
2. Dư nợ trung dài hạn	26.187	25.751	98,34
III. Nợ xấu	838	915	109,19
- Tỷ lệ nợ xấu / tổng dư nợ (%)	0,78	0,87	-

3. Sản xuất Nông nghiệp

	Đơn vị tính	Ước tính đến 15 tháng 02 năm 2024	So với cùng kỳ năm 2023 (%)
1. Vụ Đông Xuân 2023-2024 (đến 15-02-2024)			
a- Diện tích xuống giống			
- Lúa	ha	201.339	99,38
- Các loại cây ngắn ngày khác	ha	189.071	99,37
TĐ: + Ngô	ha	12.268	99,42
+ Khoai lang	ha	1.355	110,07
+ Đậu các loại	ha	216	175,61
+ Rau các loại	ha	47	68,12
b- Diện tích thu hoạch	ha	5.956	96,53
- Lúa			
- Các loại cây ngắn ngày khác:	ha	50.081	74,70
TĐ: + Ngô	ha	3.863	65,99
+ Khoai lang	ha	351	67,24
+ Đậu các loại	ha	22	-
+ Rau các loại	ha	16,0	34,04
c- Sản lượng thu hoạch	ha	2.766	104,81
- Lúa			
- Các loại cây ngắn ngày khác:	Tấn	345.115	74,99
+ Ngô	Tấn		
+ Khoai lang	Tấn	3.613	67,70
+ Đậu các loại	Tấn	526	-
+ Rau các loại	Tấn	32	33,68
2. Vụ Hè thu 2024 (đến 15-02-2024)	Tấn	47.355	99,82
a- Diện tích xuống giống			
- Lúa			
- Các loại cây ngắn ngày khác	ha	29.921	59,06
TĐ: + Ngô	ha	395	49,87
+ Khoai lang	ha	74	-
+ Đậu các loại	ha	-	-
+ Rau các loại	ha	-	-

4. Lâm nghiệp

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước tính tháng 02 năm 2024	Cộng dồn đầu năm đến cuối tháng U'T	So với cùng kỳ năm 2023 (%)	
				tháng 02	Cộng dồn
+ Diện tích rừng trồng mới tập trung	ha	11	24	-	-
+ Gỗ khai thác	m3	7.855	16.260	100,54	104,98
+ Củi khai thác	ste	26.454	53.992	104,63	100,98
+ Số vụ cháy rừng	vụ	-	-	-	-
+ Diện tích rừng bị cháy	ha	-	-	-	-
+ Số vụ phá rừng	vụ	-	-	-	-
+ Diện tích rừng bị phá	ha	-	-	-	-

5. Thủy sản

	Ước tính tháng 02 năm 2024	Cộng dồn đầu năm đến cuối tháng U'T	So với cùng kỳ năm 2023(%)	
			tháng 02	Cộng dồn
1. Diện tích nuôi thả thủy sản (ha)	394	2.610	99,75	108,75
Trong đó: Cá tra thâm canh	85	1.573	88,54	109,46
2. Sản lượng thủy sản (tấn)	45.673	88.448	103,34	102,92
a. Nuôi trồng thủy sản	44.715	86.626	103,56	103,02
Trong đó: Cá tra thâm canh	32.234	69.121	104,58	103,36
b. Khai thác thủy sản	958	1.822	93,83	98,27

6. Sản xuất Công nghiệp

6.1. Chỉ số lao động tháng 02 năm 2024 (%)

	Tháng báo cáo so với tháng trước	Tháng báo cáo so với tháng cùng kỳ năm trước	Cộng dồn đến cuối tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước
Toàn ngành công nghiệp	100,54	107,24	105,18
<i>Phân theo ngành kinh tế cấp I</i>			
Khai khoáng	99,76	92,95	92,33
Công nghiệp chế biến, chế tạo	100,58	107,64	105,45
SX và phân phối điện, khí đốt nước nóng, hơi nước	100,00	103,12	103,12
Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải	99,88	103,74	103,67
<i>Chia theo loại hình kinh tế</i>			
Doanh nghiệp nhà nước	101,15	98,00	97,89
Doanh nghiệp ngoài quốc doanh	100,41	108,21	105,86
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	100,72	108,31	106,22

6.2. Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 02 năm 2024 (%)

	Tháng 01 năm 2024 so với cùng kỳ năm trước	Tháng 02 năm 2024 so với tháng 01 năm 2024	Tháng 02 năm 2024 so với tháng 02 năm 2023
Công nghiệp chế biến, chế tạo	126,31	100,99	134,91
Sản xuất chế biến thực phẩm	128,31	100,93	138,40
Sản xuất đồ uống	151,14	131,86	198,28
Sản xuất sản phẩm thuốc lá	40,11	100,00	31,47
Dệt	-	-	-
Sản xuất trang phục	106,95	102,16	101,16
Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	123,56	99,36	182,35
Chế biến gỗ và sản xuất các sản phẩm từ gỗ, tre ...	87,07	106,37	93,98
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	-	-	-
In, sao chép bản ghi các loại	299,27	103,33	240,66
Sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế	-	-	-
Sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất	-	-	-
Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	108,28	101,43	107,50
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	151,58	96,51	141,30
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	-	-	-
Sản xuất kim loại	-	-	-
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, TB)	103,38	100,00	101,16
Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	-	-	-
Sản xuất thiết bị điện	-	-	-
Sản xuất máy móc thiết bị chưa được phân vào đâu	-	-	-
Sản xuất xe có động cơ	55,03	100,00	55,03
Sản xuất phương tiện vận tải	-	-	-
Sản xuất giường, tủ, bàn ghế	-	-	-
Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	-	-	-
Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc, thiết bị	-	-	-

6.3. Chỉ số tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 02 năm 2024 (%)

	Tháng 01 năm 2024 so với cùng kỳ năm trước	Tháng 02 năm 2024 so với Tháng 01 năm 2024	Tháng 02 năm 2024 so với cùng kỳ năm trước	Cộng dồn đến cuối tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước
Công nghiệp chế biến, chế tạo	117,75	93,05	100,61	108,82
Sản xuất chế biến thực phẩm	117,98	92,86	100,66	108,96
Sản xuất đồ uống	74,44	97,57	37,09	49,72
Sản xuất sản phẩm thuốc lá	26,79	404,82	79,90	57,37
Dệt	-	-	-	-
Sản xuất trang phục	111,54	92,18	87,19	98,37
Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	187,50	104,55	197,88	192,66
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa	122,23	97,18	110,14	115,95
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	-	-	-	-
In, sao chép bản ghi các loại	102,88	104,89	77,45	88,07
Sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế	-	-	-	-
Sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất	-	-	-	-
Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	109,16	87,47	85,07	96,43
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	147,22	99,74	153,25	150,17
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	81,04	102,10	90,41	85,51
Sản xuất kim loại	-	-	-	-
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, TB)	142,17	94,78	135,98	139,09
Sản xuất SP điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	-	-	-	-
Sản xuất thiết bị điện	-	-	-	-
Sản xuất máy móc thiết bị chưa được phân vào đâu	68,85	101,06	91,01	78,45
Sản xuất xe có động cơ	168,75	103,70	160,00	164,18
Sản xuất phương tiện vận tải	-	-	-	-
Sản xuất giường, tủ, bàn ghế	-	-	-	-
Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	-	-	-	-
Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc, thiết bị	-	-	-	-

6.4. Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp tháng 02 năm 2024 (%)

	Tháng 01 năm 2024 so với cùng kỳ năm trước	tháng 02 năm 2024 so với Tháng 01 năm 2024	tháng 02 năm 2024 so với cùng kỳ năm trước	Cộng dồn đến cuối tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước
Toàn ngành công nghiệp	110,30	93,28	101,35	105,79
Khai khoáng	86,50	74,38	10,87	21,79
Khai thác than cứng và than non	-	-	-	-
Khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên	-	-	-	-
Khai thác quặng kim loại	-	-	-	-
Khai thác cát	86,50	74,38	10,87	21,79
Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng	-	-	-	-
Công nghiệp chế biến, chế tạo	110,21	93,41	101,28	105,71
Sản xuất chế biến thực phẩm	110,75	94,02	105,67	108,23
Sản xuất đồ uống	342,68	75,45	165,44	234,59
Sản xuất sản phẩm thuốc lá	94,04	148,81	61,45	71,39
Dệt	-	-	-	-
Sản xuất trang phục	-	101,85	114,58	227,08
Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	87,78	94,31	85,54	86,68
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa	181,55	98,77	198,54	189,61
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	-	-	-	-
In, sao chép bản ghi các loại	129,64	107,50	120,45	124,71
Sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế	-	-	-	-
Sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất	-	-	-	-
Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	59,53	177,94	69,06	65,30
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	145,03	80,90	83,79	109,31
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	132,15	96,84	147,23	139,16
Sản xuất kim loại	-	-	-	-
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, TB)	81,03	102,10	90,41	85,51
Sản xuất SP điện tử, máy vi tính và sản phẩm Q.học	-	-	-	-
Sản xuất thiết bị điện	-	-	-	-
Sản xuất máy móc thiết bị chưa được phân vào đâu	126,91	94,78	130,22	128,50
Sản xuất xe có động cơ	76,92	98,34	90,07	82,92
SX phương tiện vận tải	168,75	103,70	160,00	164,18
Sản xuất giường, tủ, bàn ghế	-	-	-	-
Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	255,58	102,80	69,04	107,86
Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc, thiết bị	118,39	124,31	64,22	80,68
Sản xuất và phân phối điện	119,74	87,70	106,81	113,33
SX và phân phối điện, khí đốt nước nóng, hơi nước	119,74	87,70	106,81	113,33
Cung cấp nước; hoạt động q.ly và xử lý rác thải, nước thải	97,35	101,08	106,86	101,91
Khai thác, xử lý và cung cấp nước	96,66	100,74	105,56	100,93
Thoát nước và xử lý nước thải	-	-	-	-
Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải, T.chế	102,63	103,62	117,00	109,48
Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	-	-	-	-

6.5. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 02 năm 2024 (%)

	Đơn vị tính	Chính thức tháng 01 năm 2024	Ước tính tháng 02 năm 2024	Cộng dồn đến cuối tháng ƯT	Tháng ƯT so tháng trước (%)	So với cùng kỳ năm 2023 (%)	
						tháng 02	Cộng dồn
Cát khai thác	Nghìn m3	70	52	122	74,38	10,87	21,79
Cá phi lê đông lạnh	Tấn	37.268	34.704	71.972	93,12	104,67	105,15
Gạo xay xát, lau bóng	Tấn	168.808	153.048	321.856	90,66	130,47	139,01
Miến, hủ tiếu, bánh trắng và các loại t.tự	Tấn	2.060	1.867	3.927	90,66	114,56	110,30
Thức ăn thủy sản	Tấn	119.964	117.630	237.594	98,05	94,78	97,69
Thuốc lá có đầu lọc (gói 20 điếu)	1000 gói	4.032	6.000	10.032	148,81	61,45	71,39
Áo quần các loại	1000 cái	543	511	1.054	94,02	71,94	73,82
Các bộ phận của giày dép bằng da, tấm lót bên trong có thể tháo rời ...	1000 đôi	638	637	1.276	99,84	190,27	181,49
Thuốc chứa penixilin hoặc kháng sinh khác dạng viên	triệu viên	49	43	93	88,09	87,90	113,60
Dược phẩm chứa hormone nhưng không có kháng sinh dạng viên	triệu viên	106	75	181	70,86	77,51	103,31
Bê tông tươi	m3	9.109	9.300	18.409	102,10	90,41	85,51
Bia	Nghìn lít	2.404	1.821	4.225	75,75	161,78	203,02
Nước sản xuất	Nghìn m3	4.754	4.789	9.543	100,74	105,56	100,93

7. Phát triển doanh nghiệp (tính từ đầu năm đến 31/01/2024)

	Năm 2023			Năm 2024		
	Số DN (DN)	Vốn đăng ký (Tr.đồng)	Số lao động (người)	Số DN (DN)	Vốn đăng ký (Tr.đồng)	Số lao động (người)
1. Tổng số DN đăng ký mới	31	233.400	154	74	405.958	273
Phân theo loại hình DN						
Doanh nghiệp tư nhân	-	-	-	1	100	5
Công ty TNHH	29	183.500	145	67	329.598	254
Công ty cổ phần	2	49.900	9	6	76.260	14
Phân theo ngành kinh tế						
A. Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	1	500	3	2	6.100	8
B. Khai khoáng	-	-	-	2	118.000	6
C. Công nghiệp chế biến, chế tạo	3	18.900	24	11	31.590	26
D. Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	-	-	-	-	-	-
E. Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	-	-	-	-	-	-
F. Xây dựng	4	46.800	9	11	51.900	41
G. Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	18	154.500	98	32	156.108	138
H. Vận tải kho bãi	1	2.900	3	3	7.400	5
I. Dịch vụ lưu trú và ăn uống	-	-	-	1	10.000	5
J. Thông tin và truyền thông	-	-	-	-	-	-
K. Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	-	-	-	-	-	-
L. Hoạt động kinh doanh bất động sản	1	6.000	3	-	-	-
M. Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	2	2.800	4	7	21.100	32
N. Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	1	1.000	10	2	2.000	5
O. Hoạt động của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị	-	-	-	-	-	-
P. Giáo dục và đào tạo	-	-	-	2	1.460	5
Q. Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	-	-	-	-	-	-
R. Nghệ thuật vui chơi giải trí	-	-	-	1	300	2
S. Hoạt động dịch vụ khác	-	-	-	-	-	-
T. Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	-	-	-	-	-	-
U. Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế	-	-	-	-	-	-
2. Số DN tạm ngừng hoạt động	166	-	-	198	-	-
3. Số DN quay lại hoạt động	54	-	-	52	-	-
4. Số DN giải thể	10	-	-	11	-	-

8. Vốn đầu tư (triệu đồng; %)

8.1. Vốn đầu tư phát triển do trung ương và địa phương quản lý

	Chính thức tháng 01 năm 2024	Ước tính tháng 02 năm 2024	Cộng dồn đến cuối tháng ước tính	Tháng U'T so với tháng trước (%)	So với cùng kỳ năm 2023 (%)	
					tháng 02	cộng dồn
A. Vốn đầu tư (Tr. Đồng)	506.926	287.120	794.046	56,64	70,26	98,39
1/ Chia theo cấp quản lý						
+ Vốn các đơn vị TW quản lý	40.047	24.253	64.300	60,56	54,44	74,02
+ Vốn các đơn vị địa phương quản lý	466.879	262.867	729.746	56,30	72,20	101,33
2/ Chia theo nguồn vốn						
a. Vốn ngân sách nhà nước	471.478	265.922	737.400	56,40	78,12	109,63
+ Ngân sách trung ương	114.948	67.308	182.256	58,56	69,59	95,98
+ Ngân sách địa phương	356.530	198.614	555.144	55,71	81,50	115,00
b. Vốn vay	18.558	11.130	29.688	59,97	25,75	34,91
TĐ: + Vốn tín dụng đầu tư của N.nước	6.890	4.006	10.896	58,14	14,67	20,18
+ Vốn vay từ nguồn khác	-	-	-	-	-	-
c. Vốn tự có của doanh nghiệp NN	5.990	3.648	9.638	60,90	43,43	57,85
d. Vốn khác	10.900	6.420	17.320	58,90	38,67	52,97

8.2. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước

	Chính thức tháng 01 năm 2024	Ước tính tháng 02 năm 2024	Cộng dồn đến cuối tháng ước tính	Tháng U'T so với tháng trước (%)	So với cùng kỳ năm 2023 (%)	
					tháng 02	cộng dồn
TỔNG SỐ	466.879	262.867	729.746	56,30	72,20	101,33
Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh	303.301	176.809	480.110	58,29	67,77	92,94
Vốn cân đối ngân sách tỉnh	89.682	49.586	139.268	55,29	69,35	93,80
Trong đó: Vốn thu từ quỹ sử dụng đất	-	-	-	-	-	-
Vốn TW hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	86.569	50.179	136.748	57,96	73,68	102,00
Vốn Nước ngoài (ODA)	3.252	2.080	5.332	63,96	5,93	7,85
Vốn Xổ số kiến thiết	123.798	74.964	198.762	60,55	86,97	119,68
Vốn khác	-	-	-	-	-	-
Vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện	163.578	86.058	249.636	52,61	83,39	122,60
Vốn cân đối ngân sách huyện	132.618	66.904	199.522	50,45	84,97	128,43
Trong đó: Vốn thu từ quỹ sử dụng đất	35.400	23.120	58.520	65,31	61,00	80,19
Vốn Tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	27.100	16.684	43.784	61,56	80,37	106,90
Vốn khác	3.860	2.470	6.330	63,99	66,74	86,70
Vốn ngân sách Nhà nước cấp xã	-	-	-	-	-	-
Vốn cân đối ngân sách xã	-	-	-	-	-	-
Trong đó: Vốn thu từ quỹ sử dụng đất	-	-	-	-	-	-
Vốn Huyện hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	-	-	-	-	-	-
Vốn khác	-	-	-	-	-	-

9. Giao thông vận tải

9.1. Vận tải hành khách và hàng hóa

	Chính thức tháng 01 năm 2024	Ước tính tháng 02 năm 2024	Cộng dồn đến cuối tháng ước tính	Tháng ước tính so với tháng trước (%)	So với cùng kỳ năm 2023 (%)	
					Tháng 02	Cộng dồn
A. HÀNH KHÁCH						
I. Vận chuyển (Nghìn HK)	3.407	3.649	7.056	107,10	108,35	108,34
Đường bộ	812	963	1.775	118,66	110,33	109,82
Đường sắt	-	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	2.596	2.686	5.281	103,48	107,66	107,86
Đường biển	-	-	-	-	-	-
Hàng không	-	-	-	-	-	-
II. Luân chuyển (Nghìn lượt HK.km)	112.907	134.200	247.107	118,86	110,86	109,88
Đường bộ	111.864	133.122	244.986	119,00	110,88	109,89
Đường sắt	-	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	1.043	1.078	2.121	103,35	108,85	108,54
Đường biển	-	-	-	-	-	-
Hàng không	-	-	-	-	-	-
B. HÀNG HÓA						
I. Vận chuyển (Nghìn tấn)	554	573	1.128	103,37	109,44	108,46
Đường bộ	232	238	470	102,46	109,71	109,45
Đường sắt	-	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	322	335	657	104,02	109,24	107,75
Đường biển	-	-	-	-	-	-
Hàng không	-	-	-	-	-	-
II. Luân chuyển (Nghìn tấn.km)	132.956	137.251	270.207	103,23	108,37	108,54
Đường bộ	48.970	50.905	99.875	103,95	108,83	109,58
Đường sắt	-	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	83.986	86.346	170.332	102,81	108,10	107,94
Đường biển	-	-	-	-	-	-
Hàng không	-	-	-	-	-	-

9.2. Doanh thu vận tải và dịch vụ hỗ trợ vận tải (triệu đồng; %)

	Chính thức tháng 01 năm 2024	Ước tính tháng 02 năm 2024	Cộng dồn đến cuối tháng ước tính	Tháng ước tính so với tháng trước (%)	So với cùng kỳ năm 2023 (%)	
					Tháng 02	Cộng dồn
TỔNG SỐ	271.730	294.674	566.404	108,44	110,51	110,36
Vận tải hành khách	111.151	127.260	238.411	114,49	111,50	110,14
Đường bộ	94.973	110.758	205.730	116,62	111,98	110,35
Đường sắt	-	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	16.178	16.502	32.680	102,00	108,39	108,85
Đường biển	-	-	-	-	-	-
Hàng không	-	-	-	-	-	-
Vận tải hàng hóa	121.682	126.050	247.732	103,59	109,38	109,13
Đường bộ	60.037	61.290	121.327	102,09	110,05	110,22
Đường sắt	-	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	61.646	64.760	126.405	105,05	108,76	108,10
Đường biển	-	-	-	-	-	-
Hàng không	-	-	-	-	-	-
Dịch vụ hỗ trợ vận tải	38.897	41.365	80.262	106,34	110,97	115,03
Bốc xếp	-	-	-	-	-	-
Kho bãi	17.914	19.085	36.999	106,53	105,12	115,74
Bưu chính chuyển phát	20.983	22.280	43.263	106,18	116,52	114,44
Hoạt động khác	-	-	-	-	-	-

10. Thương mại

10.1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng (triệu đồng; %)

	Chính thức tháng 01 năm 2024	Ước tính tháng 02 năm 2024	Cộng dồn đến cuối tháng ước tính	Tháng ước tính so với tháng trước (%)	So với cùng kỳ năm 2023 (%)	
					Tháng 02	Cộng dồn
Tổng mức bán lẻ HH & DVTD	10.879.134	11.216.162	22.095.296	103,10	106,19	106,53
<i>Chia theo ngành</i>						
+ Thương nghiệp	8.574.492	8.793.986	17.368.479	102,56	105,98	106,21
+ Khách sạn nhà hàng	1.560.991	1.675.645	3.236.636	107,34	111,00	108,69
+ Du lịch, lữ hành	5.042	5.126	10.168	101,68	102,08	102,08
+ Dịch vụ	738.609	741.405	1.480.014	100,38	98,90	105,76

10.2. Doanh thu bán lẻ hàng hóa (triệu đồng; %)

	Chính thức tháng 01 năm 2024	Ước tính tháng 02 năm 2024	Cộng dồn đến cuối tháng ước tính	Tháng ước tính so với tháng trước (%)	So với cùng kỳ năm 2023 (%)	
					Tháng 02	Cộng dồn
TỔNG SỐ	8.574.492	8.793.986	17.368.479	102,56	105,98	106,21
<i>Phân theo nhóm hàng</i>						
1. Lương thực, thực phẩm	3.607.065	3.728.549	7.335.614	103,37	106,47	107,08
2. Hàng may mặc	291.194	295.366	586.560	101,43	110,89	108,43
3. Đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình	666.858	671.187	1.338.045	100,65	104,84	105,53
4. Vật phẩm văn hóa, giáo dục	95.184	102.507	197.691	107,69	109,66	106,52
5. Gỗ và vật liệu xây dựng	993.504	992.988	1.986.491	99,95	99,47	102,06
6. Ô tô con (dưới 9 chỗ ngồi)	56.650	56.699	113.349	100,09	131,71	131,94
7. Phương tiện đi lại (Trừ ô tô, kể cả phụ tùng)	284.015	296.866	580.881	104,52	102,30	102,62
8. Xăng dầu các loại	860.111	889.244	1.749.355	103,39	109,29	108,09
9. Nhiên liệu khác (Trừ xăng, dầu)	73.201	74.772	147.973	102,15	108,81	106,96
10. Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	961.382	992.931	1.954.313	103,28	106,61	104,46
11. Hàng hóa khác	564.043	574.456	1.138.499	101,85	105,27	105,78
12. Doanh thu dịch vụ sửa chữa xe ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	121.284	118.423	239.707	97,64	112,99	116,48

10.3. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành (triệu đồng; %)

	Chính thức tháng 01 năm 2024	Ước tính tháng 02 năm 2024	Cộng dồn đến cuối tháng ước tính	Tháng ước tính so với tháng trước (%)	So với cùng kỳ năm 2023 (%)	
					Tháng 02	Cộng dồn
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	1.560.991	1.675.645	3.236.636	107,34	111,0	108,69
Dịch vụ lưu trú	28.445	30.014	58.459	105,52	131,86	121,97
Dịch vụ ăn uống	1.532.546	1.645.631	3.178.177	107,38	110,68	108,47
Du lịch lữ hành	5.042	5.126	10.168	101,68	102,08	102,08
Dịch vụ tiêu dùng khác	738.609	741.405	1.480.014	100,38	98,90	105,76

11. Xuất khẩu

	Chính thức tháng 01 năm 2024	Ước tính tháng 02 năm 2024	Cộng dồn đến cuối tháng ước tính	Tháng ước tính so với tháng trước (%)	So với cùng kỳ năm 2023 (%)	
					Tháng 02	Cộng dồn
Tổng trị giá xuất khẩu (1000 USD)	143.113	137.196	280.309	95,87	134,39	142,04
- Tổng giá trị xuất khẩu - không tính xăng, dầu tạm nhập, tái xuất	117.513	112.105	229.618	95,40	149,79	167,19
<i>a/ Chia theo thành phần kinh tế</i>						
Kinh tế nhà nước	27.189	26.707	53.896	98,23	95,80	87,98
Kinh tế tập thể	-	-	-	-	-	-
Kinh tế cá thể	-	-	-	-	-	-
Kinh tế tư nhân	84.511	81.222	165.732	96,11	126,58	146,78
Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	31.413	29.267	60.680	93,17	291,45	261,77
<i>b/ Chia theo mặt hàng</i>						
Thủy sản chế biến	48.548	46.732	95.280	96,26	107,81	134,07
Gạo	32.601	30.290	62.891	92,91	176,24	163,76
Bánh phồng tôm	1.552	1.499	3.051	96,58	151,25	174,44
Sản phẩm may	18.090	17.331	35.421	95,81	282,77	232,54
Hàng hóa khác	42.322	41.346	83.668	97,69	120,08	118,01
TD: Xăng dầu tạm nhập, tái xuất	25.600	25.091	50.691	98,01	92,10	84,47
<i>c/ Sản lượng sản phẩm xuất khẩu</i>						
Thủy sản chế biến (tấn)	22.584	21.808	44.392	96,57	126,18	181,37
Gạo (tấn)	45.018	41.809	86.827	92,87	136,31	129,03
Bánh phồng tôm	1.094	1.055	2.149	96,44	163,06	191,19

12. Nhập khẩu

	Chính thức tháng 01 năm 2024	Ước tính tháng 02 năm 2024	Cộng dồn đến cuối tháng ước tính	Tháng ước tính so với tháng trước (%)	So với cùng kỳ năm 2023 (%)	
					Tháng 02	Cộng dồn
Nhập khẩu (1000 USD)	65.541	63.371	128.912	96,69	116,53	129,15
<i>a/ Chia theo thành phần kinh tế</i>						
Kinh tế nhà nước	37.345	36.174	73.519	96,86	84,41	92,40
Kinh tế tập thể	-	-	-	-	-	-
Kinh tế cá thể	-	-	-	-	-	-
Kinh tế tư nhân	23.537	22.698	46.235	96,44	279,22	304,53
Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	4.659	4.499	9.158	96,57	132,40	180,69
<i>b/ Chia theo mặt hàng chủ yếu</i>						
Xăng dầu	36.200	35.004	71.204	96,70	82,27	90,00
Nguyên, phụ liệu SX tân dược	3.901	3.750	7.651	96,13	83,71	105,33
Nguyên phụ liệu dệt may	5.568	5.438	11.006	97,66	114,47	130,67
Hàng khác	19.872	19.180	39.052	96,52	735,42	779,09
<i>c/ Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu</i>						
Xăng dầu (tấn)	44.215	42.830	87.045	96,87	85,35	96,17

13. Chỉ số giá tháng 02 các năm 2010-2024 so tháng trước và tháng cùng kỳ năm trước (%)

	CPI tháng báo cáo so với tháng trước	CPI tháng báo cáo so với tháng cùng kỳ năm trước
- Năm 2010	101,71	106,82
- Năm 2011	101,64	113,10
- Năm 2012	101,37	115,59
- Năm 2013	101,11	106,41
- Năm 2014	100,68	103,47
- Năm 2015	100,07	99,87
- Năm 2016	100,07	100,80
- Năm 2017	100,19	104,01
- Năm 2018	100,53	103,96
- Năm 2019	100,84	102,53
- Năm 2020	99,92	106,07
- Năm 2021	101,43	101,70
- Năm 2022	100,29	101,82
- Năm 2023	100,21	104,00
- Năm 2024	100,87	105,04

14. Chỉ số giá tháng 02-2024 (%)

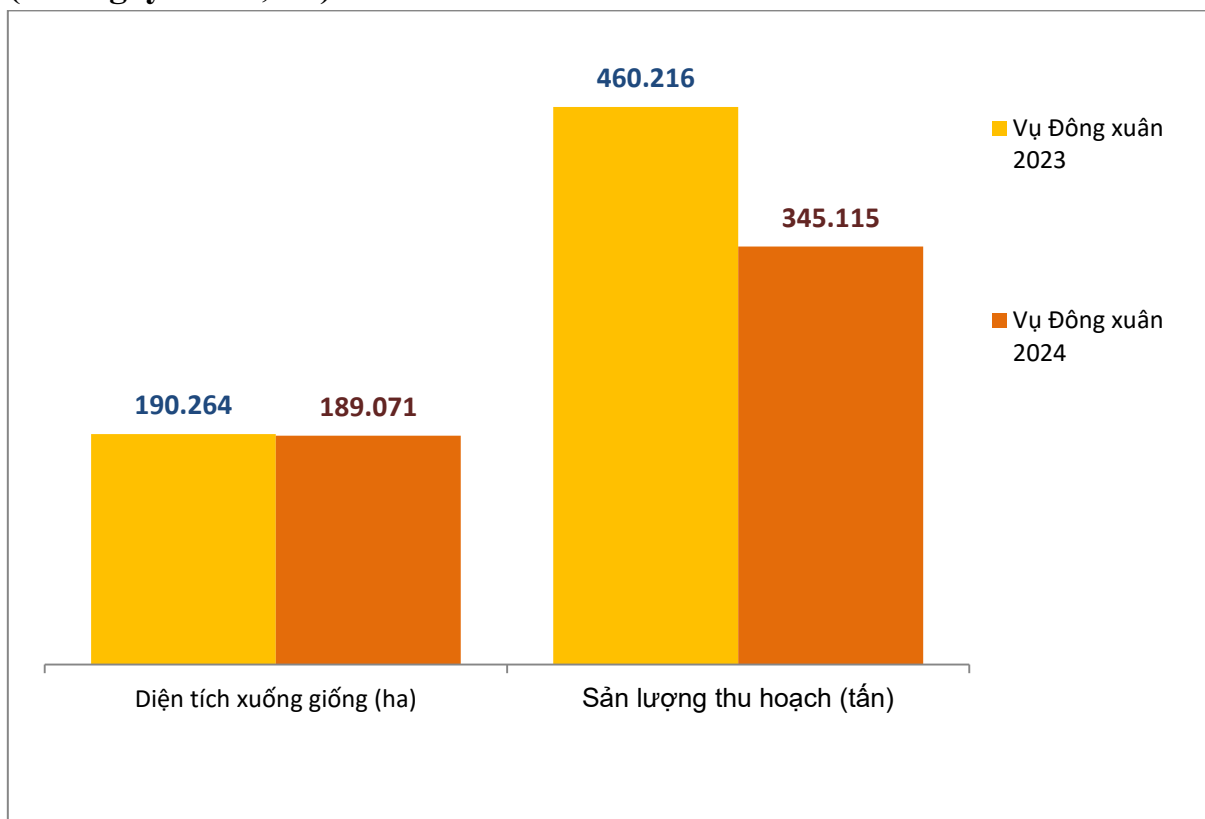
	Tháng 02 năm 2024 so với				BQ 02 tháng đầu năm 2024 so cùng kỳ năm trước
	Kỳ gốc (2019)	Tháng cùng kỳ năm trước	Tháng 12 năm 2023	Tháng trước	
a. Chỉ số giá tiêu dùng (%)	115,64	105,04	101,20	100,87	104,91
1. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	123,32	106,76	101,56	101,08	106,39
- Lương thực	147,41	124,31	103,89	102,28	123,22
- Thực phẩm	122,83	104,84	101,51	101,16	104,41
- Ăn uống ngoài gia đình	110,14	100,97	100,09	100,04	101,15
2. Đồ uống và thuốc lá	107,71	103,52	100,41	100,12	103,40
3. May mặc, mũ nón, giày dép	120,08	111,97	103,00	102,15	110,72
4. Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	115,24	106,12	100,79	100,43	106,64
5. Thiết bị và đồ dùng gia đình	111,06	105,34	100,57	100,29	105,24
6. Thuốc và dịch vụ y tế	108,93	108,70	100,01	99,99	108,71
<i>Trong đó: Dịch vụ y tế</i>	110,07	110,07	100,00	100,00	110,07
7. Giao thông	111,32	102,36	102,52	102,14	102,37
8. Bưu chính viễn thông	100,53	100,46	99,97	99,97	100,42
9. Giáo dục	105,36	83,46	100,02	100,00	83,46
<i>Trong đó: Dịch vụ giáo dục</i>	105,26	80,04	100,00	100,00	80,04
10. Văn hoá, giải trí và du lịch	103,53	101,72	100,34	100,21	101,68
11. Hàng hoá và dịch vụ khác	112,23	107,33	100,76	100,99	106,92
b. Chỉ số giá vàng	163,11	116,13	103,09	101,45	116,06
c Chỉ số giá đô la mỹ	106,85	104,82	101,15	100,81	104,50

15. Một số chỉ tiêu xã hội

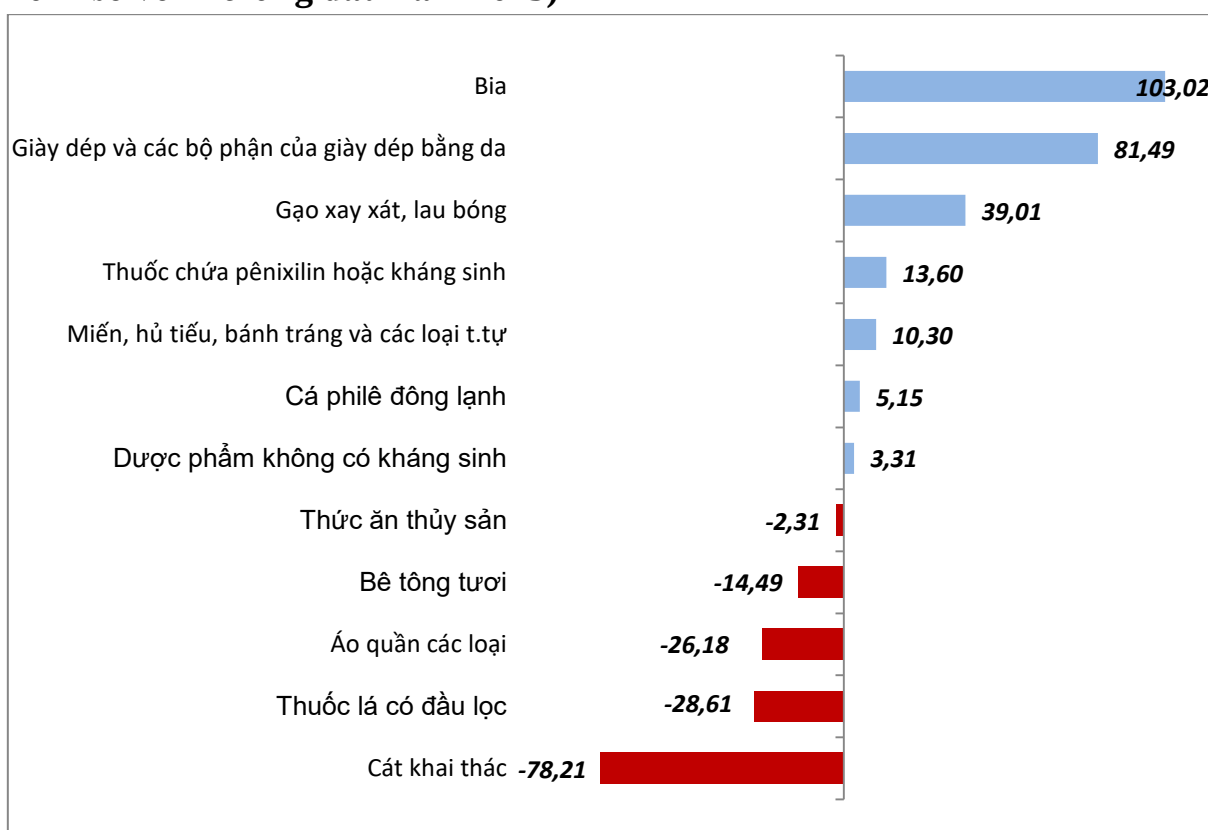
	Đơn vị tính	Phát sinh trong tháng	Cộng dồn đến cuối tháng ước tính
1. Môi trường			
1.1. Cháy, nổ			
a. Số vụ cháy	<i>vụ</i>	2	3
b. Số vụ nổ	<i>vụ</i>	-	-
c. Số người chết do cháy nổ	<i>vụ</i>	-	-
d. Số người bị thương do cháy nổ	<i>vụ</i>	-	-
d. Giá trị thiệt hại do cháy nổ	<i>triệu đồng</i>	1.120	2.462
1.2. Vi phạm môi trường			
a. Số vụ vi phạm đã phát hiện	<i>vụ</i>	3	3
b. Số vụ vi phạm đã xử lý	<i>vụ</i>	2	2
c. Số tiền xử lý	<i>triệu đồng</i>	96,00	96,00
2. Y tế (tính đến 31/12/2023)			
Thương hàn	<i>cas</i>	-	-
Viêm não vi rút (Viêm não do não mô cầu; Viêm não Nhật Bản; Viêm não khác)	<i>cas</i>	5	5
Viêm gan do vi rút (Viêm gan vi rút A, B, C)	<i>cas</i>	151	151
Sốt xuất huyết	<i>cas</i>	-	-
Sốt rét	<i>cas</i>	483	483
Cúm	<i>cas</i>	-	-
Cúm A(H5N1)	<i>cas</i>	325	325
Bệnh tay chân miệng	<i>cas</i>	15	15
Lao phổi	<i>cas</i>	1	1
Lỵ amip	<i>cas</i>	1	1
Lỵ trực trùng	<i>cas</i>	0	0
Quai bị	<i>cas</i>	784	784
Tiêu chảy	<i>cas</i>	-	-
Sởi	<i>cas</i>		
3. Tai nạn giao thông (từ 15/12/2023 đến 20/01/2024)		x	34
a- Số vụ tai nạn giao thông	<i>vụ</i>	x	33
- Đường bộ	<i>vụ</i>	x	1
- Đường thủy	<i>vụ</i>	x	130,77
So cùng kỳ năm trước	<i>%</i>	x	126,92
- Đường bộ	<i>%</i>	x	-
- Đường thủy	<i>%</i>	x	34
b- Số người chết	<i>người</i>	x	34
- Đường bộ	<i>người</i>	x	0
- Đường thủy	<i>người</i>	x	136,00
So cùng kỳ năm trước	<i>%</i>	x	136,00
- Đường bộ	<i>%</i>	x	-
- Đường thủy	<i>%</i>	x	4
c- Số người bị thương	<i>người</i>	x	4
- Đường bộ	<i>người</i>	x	-
- Đường thủy	<i>người</i>	x	28,57
So cùng kỳ năm trước	<i>%</i>	x	28,57
- Đường bộ	<i>%</i>	x	-
- Đường thủy	<i>%</i>	2	3

PHỤ LỤC II: Biểu đồ

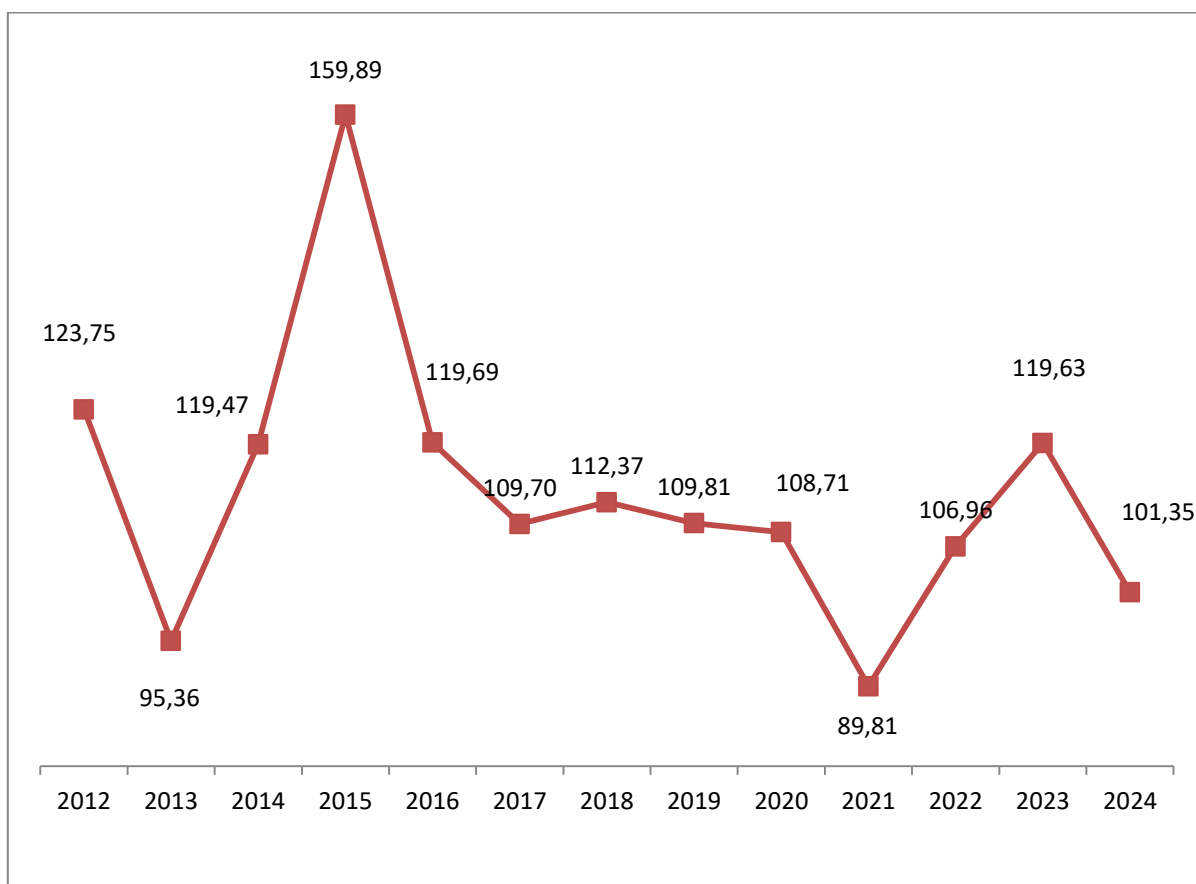
1. Diện tích xuống và thu hoạch lúa vụ Đông xuân 2021-2023 và 2023-2024 (đến ngày 15/02; ha):



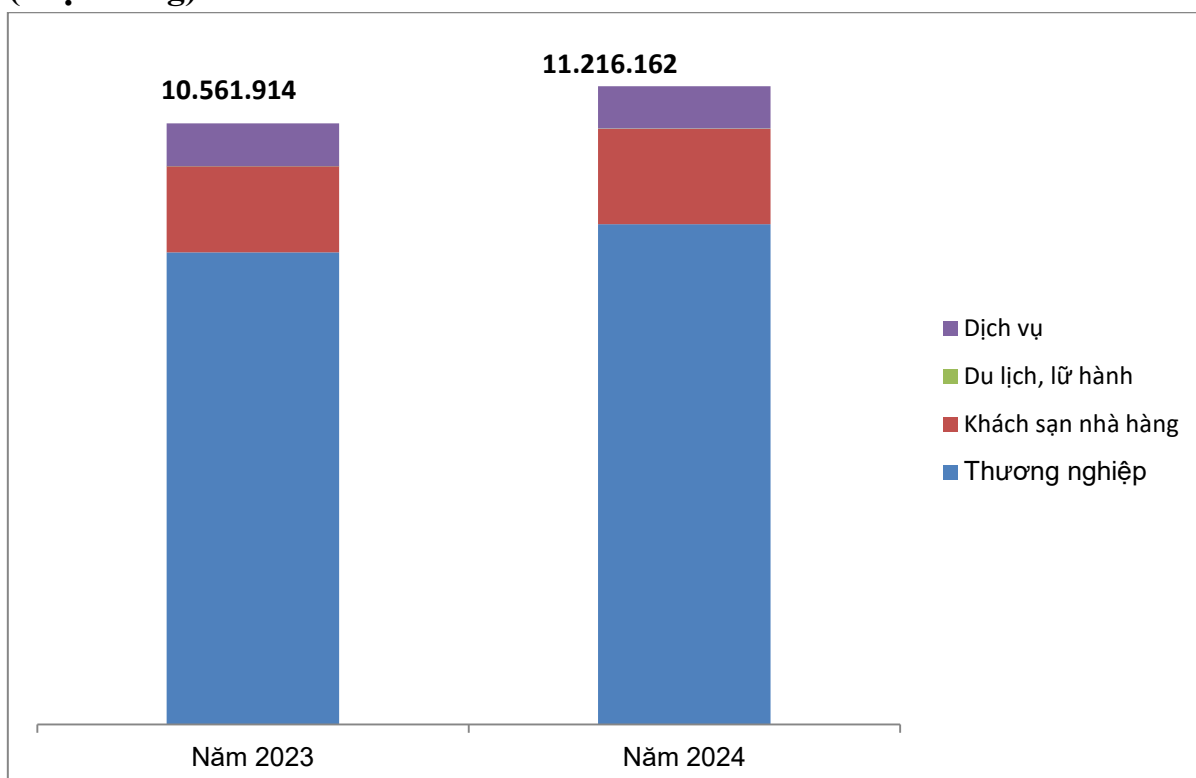
2. Tăng trưởng sản lượng một số sản phẩm công nghiệp (2 tháng đầu năm 2024 so với 2 tháng đầu năm 2023)



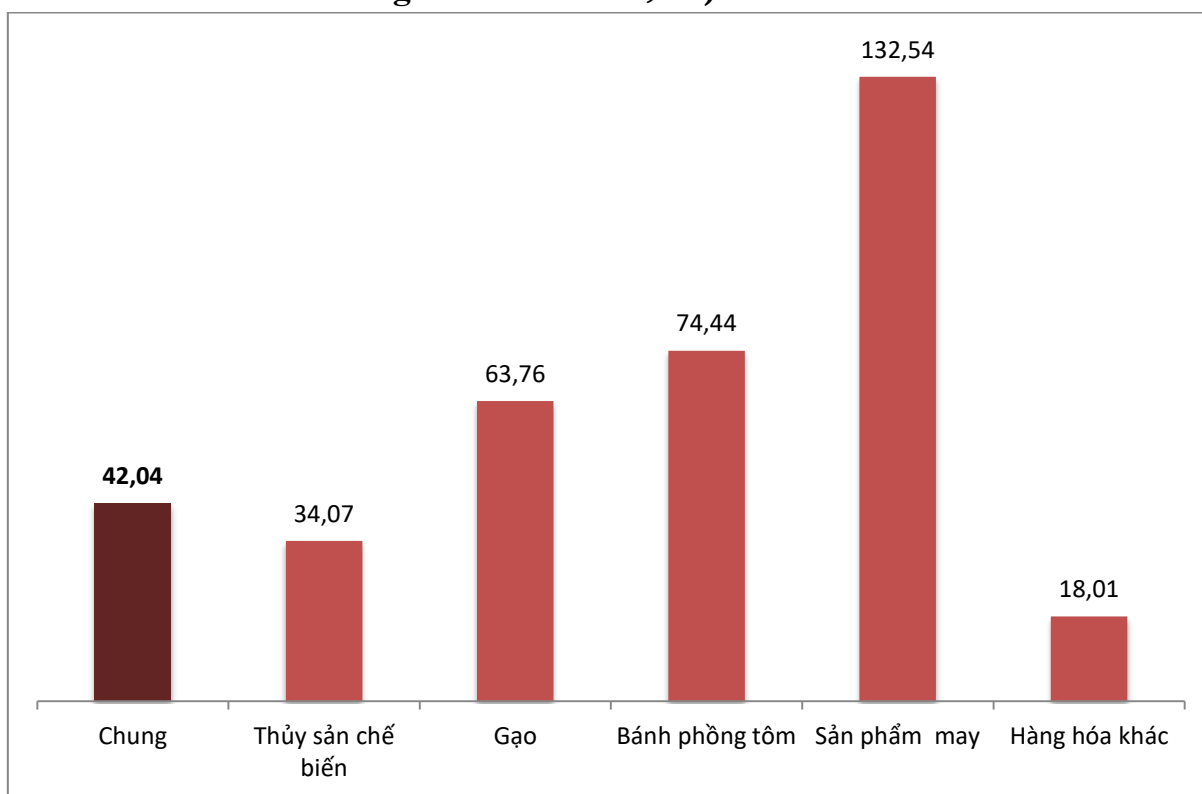
3. Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 02 các năm 2012-2024 (%)



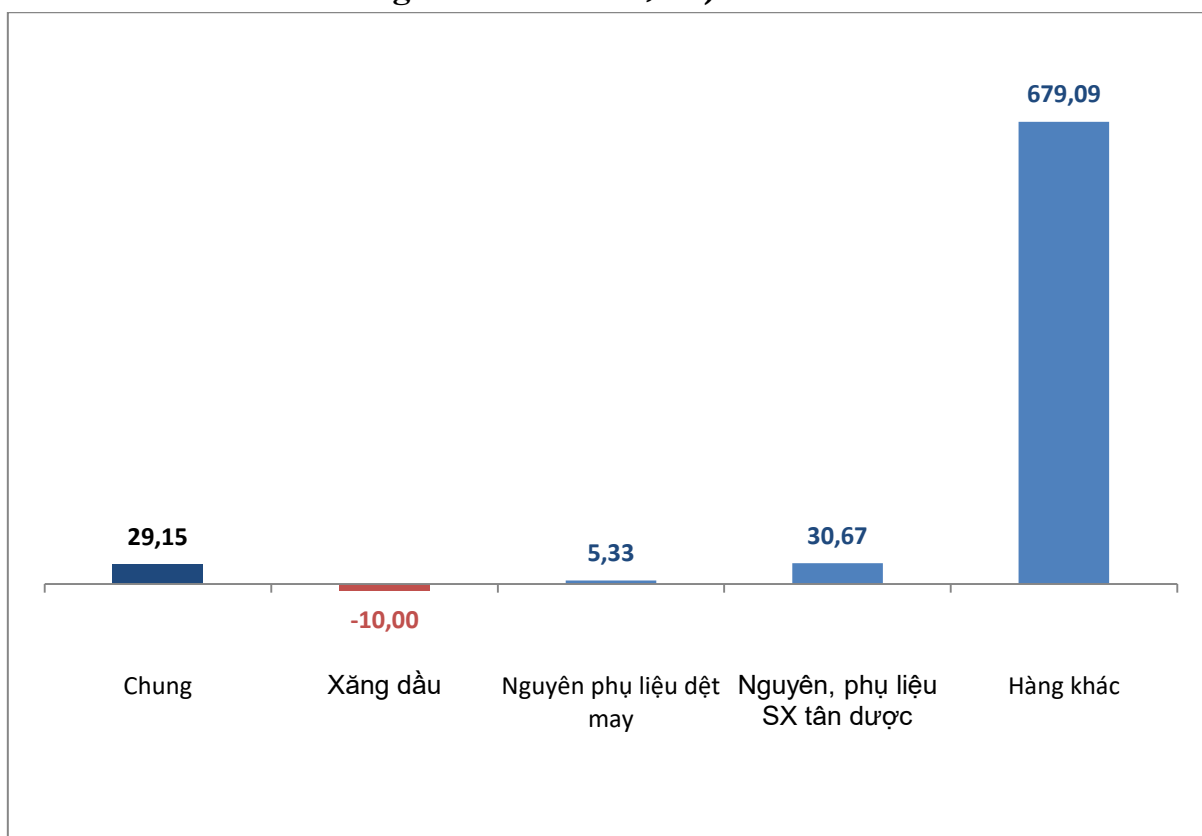
4. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tháng 02/2023-2024 (triệu đồng)



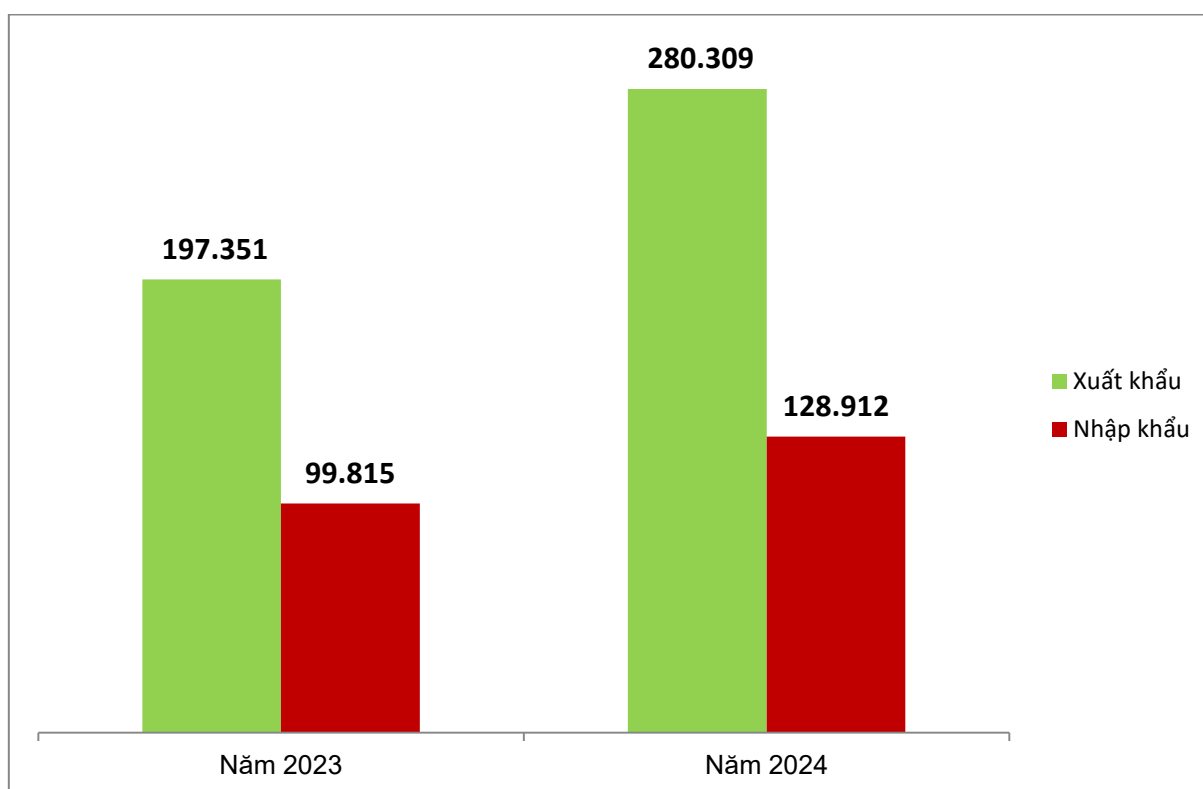
5. Tăng trưởng giá trị xuất khẩu một số mặt hàng chủ yếu (02 tháng đầu năm 2024 so với 02 tháng đầu năm 2023; %):



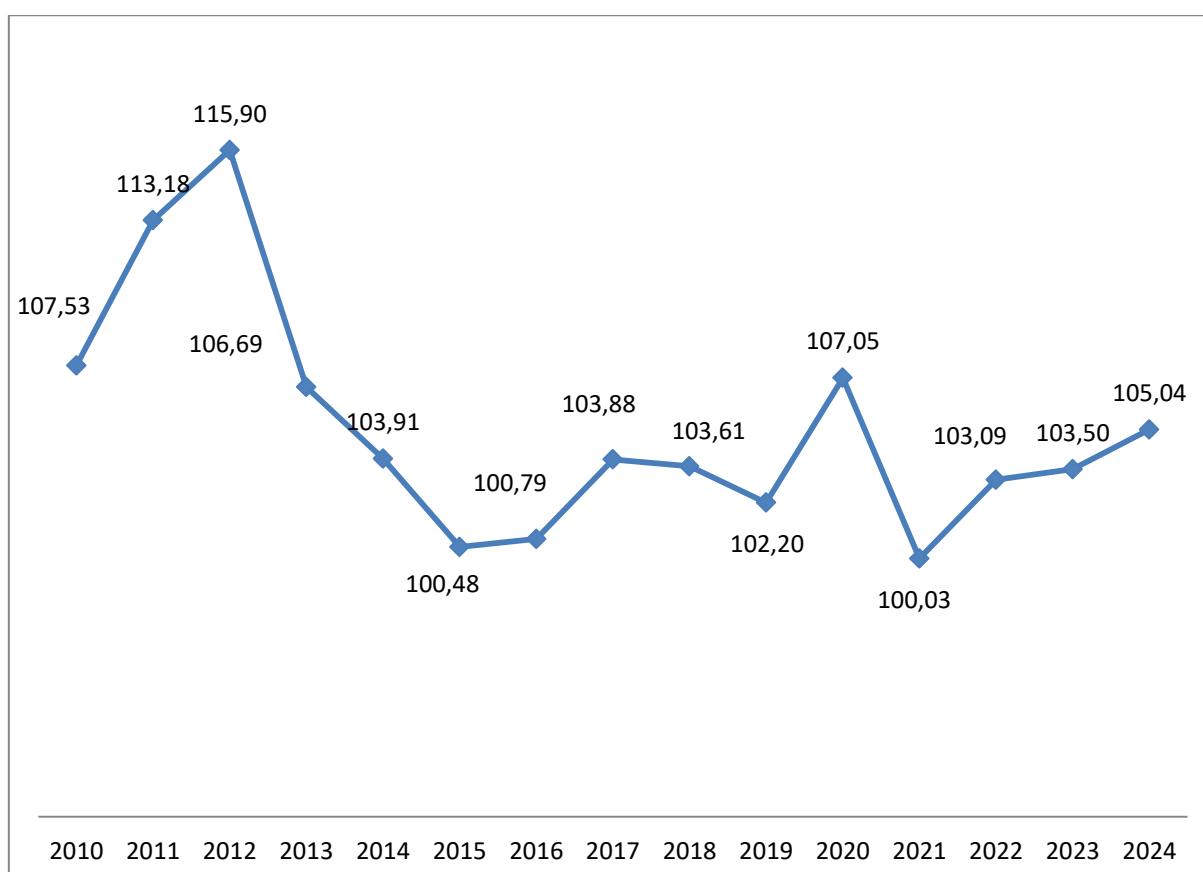
6. Tăng trưởng giá trị nhập khẩu một số mặt hàng chủ yếu (02 tháng đầu năm 2024 so với 02 tháng đầu năm 2023; %):



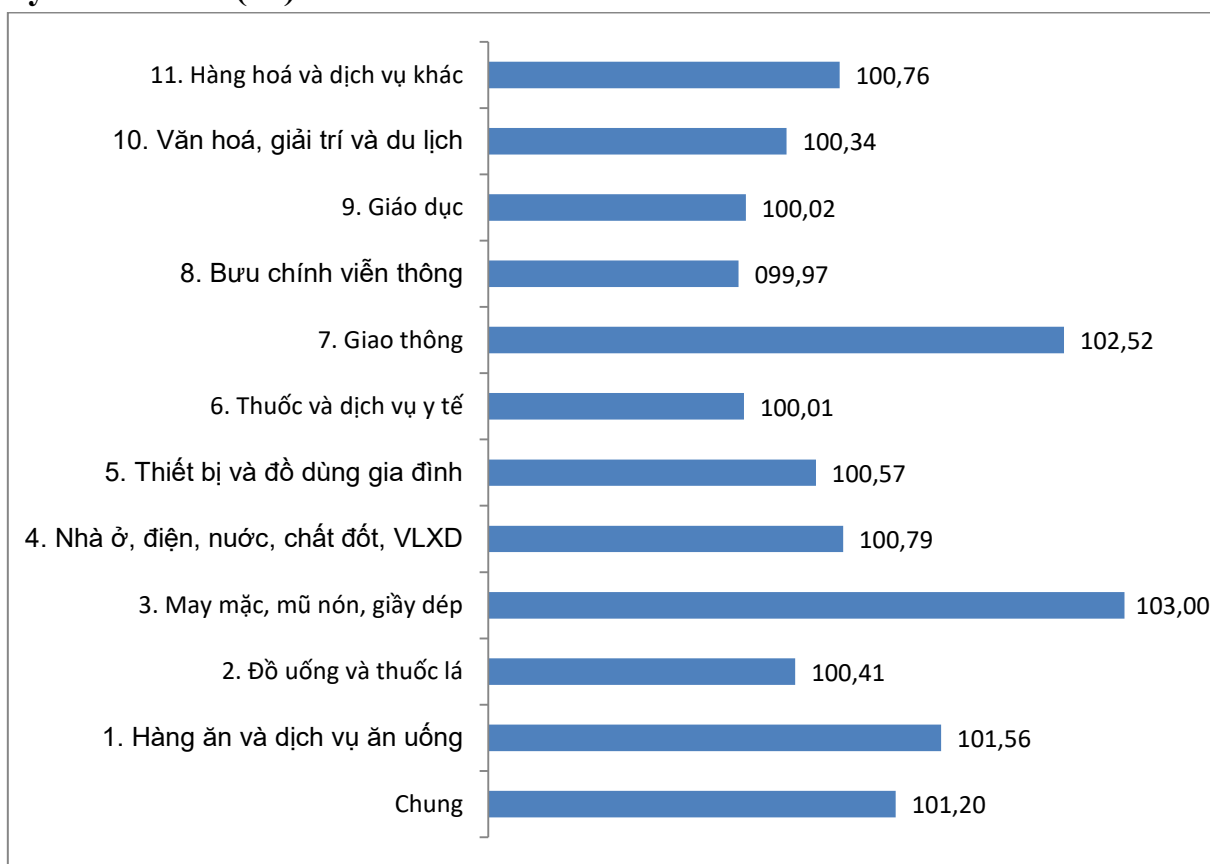
7. Giá trị xuất - nhập khẩu 02 tháng đầu năm 2023-2024 (1000 USD)



8. Chỉ số giá tháng 02 các năm 2010-2024 so với cùng kỳ năm trước (%)



9. Chỉ số giá một số nhóm hàng tiêu dùng tháng 02-2024 so với tháng cùng kỳ năm trước (%)



10. Tình hình phát triển doanh nghiệp tháng 01 năm 2023-2024

